

XI. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I:

- Công văn số 424/ĐTKDV-ĐT ngày 09/04/2024 của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu VNSTEEL giai đoạn đến năm 2025;
- Công văn số 1117/ĐTKDV-ĐT4 ngày 03/07/2025 của SCIC về việc tiếp tục thực hiện Đề án Tái cơ cấu VNS giai đoạn đến 2025;
- Quyết định số 113/QĐ-VNS ngày 25/4/2024 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP về việc phê duyệt Đề án Tái cơ cấu của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP giai đoạn đến năm 2025.
- Nghị quyết số 64/NQ-VNS ngày 4/7/2025 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Thép Việt Nam – CTCP về việc triển khai thoái vốn của Vnsteel tại Công ty cổ phần Thép Biên Hòa (Vicasa);
- Nghị quyết số 69/NQ-VNS ngày 23/07/2025 của Hội đồng quản trị VNS thông qua Phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng;

2. **Phụ lục II:** Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023, năm 2024 và Báo cáo tài chính soát xét năm 2025 của Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL;

3. **Phụ lục III:** Giấy xác nhận số 167/2025/CV-VCS ngày 24/07/2025 của Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL xác nhận số cổ phần sở hữu của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP;

4. **Phụ lục IV:** Nghị quyết số 69/NQ-VNS ngày 23/07/2025 của Hội đồng quản trị VNS về việc thực hiện các biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài tại VCA;

5. **Phụ lục V:** Điều lệ Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL;

6. **Phụ lục VI:** Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Thép VICASA – VNSTEEL số 3600961762 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 14 tháng 08 năm 2024

7. **Phụ lục VII:** Điều lệ Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP;

8. **Phụ lục VIII:** Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP số 0100100047 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/02/1996, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 20/9/2024.



Số: 424/ĐTKDV-ĐT4
V/v phê duyệt Đề án tái cơ cấu
Vnsteel giai đoạn đến năm 2025

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2024

Kính gửi: Ông Lê Song Lai
Ông Nguyễn Đình Phúc
Ông Nghiêm Xuân Đa
Ông Phạm Công Thảo
Ông Trần Hữu Hưng
Người đại diện vốn của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh
vốn nhà nước tại Tổng công ty Thép Việt Nam – CTCP

Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) nhận được Báo cáo xin ý kiến số 08/BC-DDV ngày 03/01/2024 của Người đại diện vốn về việc phê duyệt Đề án Tái cơ cấu Tổng công ty Thép Việt Nam – CTCP (Vnsteel) giai đoạn đến năm 2025 (Đề án). Về việc này, SCIC có ý kiến như sau:

1. Thông qua các nội dung về mục tiêu tổng quát và định hướng các giải pháp để thực hiện Đề án Tái cơ cấu Vnsteel giai đoạn đến năm 2025 theo đề xuất của Người đại diện vốn tại Báo cáo số 08/BC-DDV ngày 03/01/2024. Giao Người đại diện vốn chủ động rà soát, có ý kiến để cập nhật số liệu về kết quả hoạt động năm 2023 của Công ty mẹ và các đơn vị thành viên và biểu quyết thông qua/ban hành Đề án.

2. Về triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu, đề nghị Người đại diện vốn có ý kiến với Hội đồng quản trị, Ban Điều hành Vnsteel:

- Có phương án cơ cấu lại tài chính, vốn, tài sản phù hợp cho từng giai đoạn. Cân đối nguồn vốn đầu tư đảm bảo cơ cấu vốn chủ, vốn vay hợp lý và an toàn tài chính trong quá trình thực hiện đầu tư. Việc thực hiện các dự án đầu tư cụ thể thực hiện theo thẩm quyền quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và các quy chế nội bộ của Vnsteel, Quy chế Người đại diện vốn và công văn số 207/ĐTKDV-ĐT4 ngày 07/3/2024 của SCIC.

- Thực hiện rà soát các cơ sở nhà, đất của Công ty mẹ và các đơn vị có vốn góp đang sử dụng, sử dụng để lập báo cáo, kê khai và hoàn thành công tác sắp xếp theo ý kiến, hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền đối với các cơ sở nhà, đất thuộc đối tượng sắp xếp lại, xử lý tài sản công theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP, Nghị định số 67/2021/NĐ-CP của Chính phủ trước khi thực hiện các công việc có liên quan đến tái cơ cấu, thoái vốn.

- Đối với các doanh nghiệp thuộc danh mục thoái vốn: Triển khai thoái vốn thực hiện theo trình tự, thủ tục tại Điều lệ và Quy chế nội bộ của Vnsteel. Trước khi triển khai thoái vốn, đề nghị Vnsteel rà soát, xử lý các vấn đề liên quan đến công nợ; các kết luận, kiến nghị của các cơ quan có thẩm quyền (nếu có) như Thanh tra

Thy

Chính phủ, Kiểm toán nhà nước... liên quan đến các doanh nghiệp thuộc danh mục đã được phê duyệt, việc thực hiện thoái vốn đảm bảo các nguyên tắc tại mục 1.1 công văn số 2307/ĐTKDV-ĐT4 ngày 02/12/2021 của SCIC.

Việc thoái vốn tại các doanh nghiệp cụ thể, việc bổ sung, điều chỉnh (nếu có) đối với danh mục các đơn vị thực hiện tái cơ cấu thực hiện theo thẩm quyền quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và các quy chế nội bộ của Vnsteel, Quy chế Người đại diện vốn và công văn số 207/ĐTKDV-ĐT4 ngày 07/3/2024 của SCIC.

- Báo cáo ĐHĐCĐ năm 2024 kết quả thực hiện ủy quyền của ĐHĐCĐ về việc hoàn thiện và ban hành Đề án.

Trân trọng./.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Nơi nhận: *Đã chứng thực* 4562 *Quyển số* 01 - SCT/BS

- Như trên;

- Đảng ủy SCIC; Ngày 29-07-2025

- HĐTV SCIC;

- Tổng giám đốc SCIC;

- HĐQT, BKS Vnsteel;

- Lưu: VT, ĐT4.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Lê Thanh Tuấn



CÔNG CHỨNG VIÊN

Nguyễn Kim Huyền

Số: 113/QĐ-VNS

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2024

BẢN SAO/ COPY

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đề án Tái cơ cấu của Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP
giai đoạn đến năm 2025

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM-CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 28/6/2021;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP (Tổng công ty/VNS) ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/NQ-VNS ngày 28/6/2021 của Đại hội đồng cổ đông năm 2021 Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP;

Căn cứ Kết luận số 454/KL-ĐUT ngày 24/4/2024 của Ban Thường vụ Đảng ủy Tổng công ty về việc phê duyệt Đề án Tái cơ cấu của Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP giai đoạn đến năm 2025;

Xét Tờ trình số 419/TTr-VNS ngày 19/4/2024 của Tổng Giám đốc Tổng công ty về việc phê duyệt Đề án Tái cơ cấu của Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP giai đoạn đến năm 2025;

Căn cứ kết quả biểu quyết của các thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Đề án Tái cơ cấu Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP giai đoạn đến năm 2025”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tổng công ty; Kế toán trưởng, Trưởng các Ban nghiệp vụ, Chánh Văn phòng Tổng công ty, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Tổng công ty, Người đại diện của Tổng công ty tại các doanh nghiệp và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- SCIC (để b/c);
- Đảng ủy Tổng công ty;
- HĐQT Tổng công ty;
- Ban Tổng Giám đốc;
- Ban kiểm soát; KTNB;
- Các Ban nghiệp vụ, VP;
- Thư ký Tổng công ty; Trợ lý TGD;
- Lưu: VT, KTĐT, TCNS, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Le Song Lai

CÔNG CHỨNG VIỆN

Ths. Vũ Quốc Hùng



Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2024

ĐỀ ÁN
TÁI CƠ CẤU TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM-CTCP (VNSTEEL)
GAJI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2025

PHẦN I

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN TÁI CƠ CẤU TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM – CTCP GIAI ĐOẠN NĂM 2016 ĐẾN NAY

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ CỦA TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM, GIAI ĐOẠN TỪ NĂM 2016 ĐẾN NAY

1. Tình hình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm

1.1. Sản xuất và tiêu thụ sản phẩm thép dài

Năng lực sản xuất và sản lượng sản xuất thép xây dựng của Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP (Tổng công ty/Vnsteel/VNS), bao gồm các công ty con và các công ty liên kết, giai đoạn từ 2016-2023 được trình bày tại Bảng 1.

Bảng 1: Sản xuất thép xây dựng của VNSTEEL giai đoạn năm 2016-2023

Sản xuất Thép xây dựng	ĐVT	Năng lực	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	Tăng trưởng BQ giai đoạn 2017-2023
TỔNG	Tấn	3,630,000	3,136,015	3,164,240	3,325,367	3,277,705	3,180,773	2,879,580	2,654,688	2,148,319	-5.3%
1. Khối công ty con	Tấn	1,910,000	1,713,035	1,665,992	1,836,631	1,776,281	1,819,824	1,740,166	1,461,504	1,285,582	-4.0%
- Cty Thép Miền Nam	Tấn	400,000	459,019	473,256	518,922	527,942	536,165	482,682	415,268	373,359	-2.9%
- Cty CP Thép Vicasa	Tấn	180,000	130,085	146,148	179,103	160,680	159,347	159,743	129,237	94,360	-4.5%
- Cty CP Thép Thủ Đức	Tấn	180,000	153,883	157,517	178,131	181,753	155,859	140,710	97,089	82,322	-8.5%
- Cty CP Thép Nhà Bè	Tấn	150,000	149,610	149,630	171,908	175,579	166,209	132,532	115,248	94,896	-6.3%
- Công ty CP GTTN	Tấn	1,000,000	820,438	739,441	788,567	730,327	802,244	824,499	704,662	640,645	-3.5%
2. Khối công ty liên kết	Tấn	1,720,000	1,422,981	1,498,248	1,488,736	1,501,424	1,360,949	1,139,414	1,193,184	862,737	-6.9%
- Công ty TNHH Thép Vinakyoel	Tấn	950,000	724,005	823,153	840,097	920,049	801,709	690,828	694,218	444,487	-6.7%
- Natsteelvina	Tấn	150,000	158,939	140,904	112,377	152,656	161,096	167,551	168,856	166,468	0.7%
- Vinausteel	Tấn	250,000	241,962	245,932	255,693	319,023	366,489	281,035	330,110	251,782	0.6%
- Thép Tây Đô	Tấn	120,000	66,358	56,353	78,086	97,300	31,655				
- VPS	Tấn	250,000	231,716	231,907	202,483	12,396					

Nguồn: VSA và VNSTEEL

Qua phân tích số liệu nêu tại Bảng 1, cho chúng ta một số nhận định sau:

Về năng lực sản xuất thép xây dựng của Tổng công ty đã giảm sút từ 3.630.000 tấn năm 2016 xuống còn 3.260.000 tấn, do năm 2019 Tổng công ty đã thoái vốn toàn bộ vốn tại Công ty thép Tây Đô (giảm 120.000 tấn) và năm 2020 giải thể Công ty TNHH Thép VSC-POSCO (giảm 250.000 tấn), trong khi giai đoạn này không có đầu tư mới, bổ sung năng lực sản xuất.

Về sản lượng, trong giai đoạn năm 2016-2020, sản lượng thép xây dựng hàng năm của Tổng công đạt mức từ 3,1-3,3 triệu tấn, tỷ lệ khai thác công suất đạt trung bình khoảng 85%.

Tuy nhiên, bắt đầu từ năm 2021 đến năm 2023, sản lượng thép xây dựng của Tổng công ty giảm trong 3 năm liên tục, năm 2021 sản xuất 2.879.530 tấn

giảm còn 2.148.319 tấn. Nếu so với mức sản xuất năm 2020, thì sản xuất thép xây dựng năm 2023 giảm mạnh với mức giảm khoảng 32%.

Tình hình tiêu thụ thép xây dựng giai đoạn năm 2016-2023 được trình bày tại Bảng 2.

Bảng 2: Kết quả tiêu thụ và thị phần thép xây dựng của VNSTEEL giai đoạn năm 2016-2023

Tiêu thụ Thép xây dựng	ĐVT	Năng lực	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	Tăng trưởng BQ giai đoạn 2017-2023
TỔNG	Tấn	3,630,000	3,152,454	3,147,160	3,286,795	3,332,185	3,252,114	2,791,158	2,684,684	2,135,292	-5.4%
1. Khối công ty con		1,910,000	1,728,549	1,662,648	1,785,643	1,826,511	1,862,625	1,696,661	1,498,087	1,271,793	-4.3%
- Cty Thép Miền Nam	Tấn	400,000	464,496	475,884	529,327	561,736	555,174	469,418	432,387	370,346	-3.2%
- Cty CP Thép Vicasa	Tấn	180,000	134,872	144,649	170,013	164,127	170,596	152,520	133,440	91,639	-5.4%
- Cty CP Thép Thủ Đức	Tấn	180,000	159,814	151,307	172,438	162,154	164,270	131,335	101,751	75,125	-10.2%
- Cty CP Thép Nhà Bè	Tấn	150,000	154,107	146,131	151,964	151,907	162,341	124,923	119,380	95,613	-6.6%
- Công ty CP GTTN	Tấn	1,000,000	815,260	744,677	761,901	786,587	810,244	818,465	711,129	639,070	-3.4%
2. Khối công ty liên kết	Tấn	1,720,000	1,423,905	1,484,512	1,501,152	1,505,674	1,389,489	1,094,497	1,186,597	863,499	-6.9%
- Công ty TNHH Thép Vinakovei	Tấn	950,000	724,072	805,227	830,229	907,954	836,583	658,782	718,363	469,997	-6.0%
- Natsteelvina	Tấn	150,000	160,900	139,579	113,826	149,904	158,615	155,697	139,604	140,240	-1.9%
- Vinaasteel	Tấn	250,000	237,797	247,076	254,402	329,639	358,116	280,018	328,630	253,262	0.9%
- Thép Tây Đô	Tấn	120,000	63,048	60,663	79,600	92,698	36,175				
- VPS	Tấn	250,000	238,088	231,967	223,095	25,479					

Nguồn: VSA và VNSTEEL

Qua số liệu của Bảng 2 có thể thấy:

Diễn biến tiêu thụ thép xây dựng của Tổng công ty giai đoạn năm 2016-2023 cũng tương tự như diễn biến của sản xuất trong giai đoạn này. Ngoại trừ Vinaasteel có mức tiêu thụ tăng trưởng bình quân 0,9%/năm, còn tất cả 7 đơn vị sản xuất thép xây dựng trong hệ thống VNSTEEL có tăng trưởng tiêu thụ âm.

Xét về thị phần thép xây dựng của Tổng công ty năm 2023 đạt 23,1% thị phần nội địa. Nếu chỉ tính các công ty con của Tổng công ty thì thị phần thép xây dựng chỉ đạt khoảng 13,7%.

Việc suy giảm nhanh và mạnh về sản lượng sản xuất, tiêu thụ cũng như thị phần thép xây dựng của Tổng công ty xuất phát từ một số nguyên nhân sau:

- Không có năng lực sản xuất mới được bổ sung, trong khi năng lực hiện có bị giảm sút do thực hiện tái cơ cấu sản xuất, trong khi đó các đối thủ không ngừng mở rộng quy mô sản xuất với công nghệ hiện đại và khép kín, phát triển đa dạng hóa sản phẩm mới phục vụ cho phát triển thị trường xuất khẩu.

- Tại thị trường nội địa, các đơn vị tuy vẫn giữ được hệ thống các nhà phân phối/khách hàng (NPP) nhưng thị phần tại hầu hết các địa phương đều bị suy giảm khi các NPP tăng cường bán hàng cho các thương hiệu đối thủ khác, đồng thời, các đối thủ cũng phát triển thêm NPP tại cùng địa phương để cạnh tranh trực tiếp với các thương hiệu trong hệ thống của Tổng công ty.

- Tại thị trường xuất khẩu, mới chỉ tập trung vào thị trường Campuchia truyền thống, chưa đa dạng hóa và mở rộng thị trường xuất khẩu, còn các đối thủ đã phát triển và đẩy mạnh đa dạng thị trường và sản phẩm xuất khẩu.

- Năng lực cạnh tranh của các đơn vị trong Tổng công ty ngày càng bị giảm sút so với các đối thủ chính.

- Chính sách bán hàng của các công ty con trong hệ thống bị hạn chế về tính linh hoạt và cạnh tranh so với các doanh nghiệp tư nhân do tỷ lệ vốn nhà nước cao nên các đơn vị chịu nhiều quy định ràng buộc về việc phải đảm bảo hiệu quả, bảo toàn vốn, dẫn

đến nhiều thời điểm các đơn vị phải xem xét điều tiết giảm sản lượng để đảm bảo hiệu quả, không thể chạy theo thị phần dẫn đến hiệu quả giảm sút.

1.2. Sản xuất và tiêu thụ sản phẩm thép dẹt

a) Thép cuộn cán nguội

Tình hình tiêu thụ thép cán nguội được trình bày tại Bảng 3 và Bảng 4.

**Bảng 3. Kết quả tiêu thụ thép cuộn cán nguội của VNSTEEL
giai đoạn năm 2016-2023**

Thép cán nguội	ĐVT	Năng lực	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	Tăng trưởng BQ giai đoạn 2017-2023
I. Sản xuất	Tấn	600.000	507.464	600.530	388.770	366.777	525.416	671.183	437.811	505.808	0,0%
Tấm lá Phú Mỹ	Tấn	400.000	340.064	337.594	262.330	259.434	389.145	488.041	333.869	363.036	0,9%
Tấm lá Thống Nhất	Tấn	200.000	167.400	262.936	126.440	107.343	136.271	183.142	103.942	142.772	-2,2%
II. Tiêu thụ	Tấn		502.798	602.059	395.785	372.300	517.871	667.015	438.469	508.402	0,2%
Tấm lá Phú Mỹ	Tấn		336.967	338.645	269.620	263.299	381.344	483.132	334.527	366.381	1,2%
- Chính phẩm	Tấn		201.290	184.595	201.329	206.227	210.058	294.850	279.692	205.771	0,3%
- Gia công	Tấn		135.677	154.050	68.291	57.072	171.286	188.282	54.835	160.610	2,4%
Tấm lá Thống Nhất	Tấn		165.831	263.414	126.165	109.001	136.527	183.883	103.942	142.021	-2,2%
- Chính phẩm	Tấn		93.479	70.378	77.950	73.312	52.367	66.564	24.060	63.901	-5,3%
- Gia công	Tấn		72.352	193.036	48.215	35.689	84.160	117.319	79.882	78.120	1,1%

Nguồn: VNSTEEL

Theo số liệu thống kê của Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA), công suất CRC trong cả nước là 8,94 triệu tấn và hầu hết các nhà sản xuất tôn mạ lớn của Việt Nam đều tự chủ sản xuất được CRC để đưa toàn bộ vào sản xuất tôn mạ, không bán ra ngoài thị trường, như Hoa Sen (công suất CRC và công suất tôn mạ đều là 2,2 triệu tấn); Nam Kim (công suất CRC 1,2 triệu tấn và công suất tôn mạ 1,18 triệu tấn); Tôn Đông Á (công suất CRC 800.000 tấn và công suất tôn mạ 750.000 tấn)... Trên thị trường Việt Nam hiện nay chỉ có PFS, TNFS và Posco là không có dây chuyền mạ mà chỉ sản xuất CRC bán ra ngoài thị trường.

Tính cả hai công ty có vốn của Tổng công ty là Công ty TNHH MTV Thép tấm lá Phú Mỹ-Vnsteel (PFS) (có 100% vốn của Tổng công ty) và Công ty Cổ phần thép tấm lá Thống Nhất-Vnsteel (TNFS) (có vốn góp của Tổng công ty) có tổng công suất là 600.000 tấn, chiếm tỷ trọng 6,7% trong tổng công suất cả nước. Do sản phẩm cán nguội chủ yếu là sản phẩm trung gian, nên hoạt động sản xuất của 02 đơn vị phụ thuộc rất nhiều vào thị trường sản phẩm đầu vào (cuối cán nóng) và thị trường tiêu thụ (các đơn vị sản xuất tôn phủ kim loại).

Giai đoạn năm 2016 đến nay, sản lượng sản xuất CRC của toàn hệ thống VNSTEEL không có tăng trưởng, trong khi tiêu thụ chỉ tăng trưởng nhẹ 0,2%/năm. Trong năm 2021, các nhà sản xuất tôn mạ lớn như Hoa Sen, Nam Kim, Tôn Đông Á... đẩy mạnh xuất khẩu nên gia tăng nhu cầu mua CRC và gia công từ 2 đơn vị cán nguội này, đặc biệt lượng gia công tăng mạnh do các nhà sản xuất lớn chạy hết công suất nên phải thuê gia công thêm tại PFS và TNFS để đảm bảo sản lượng. Tuy nhiên sang năm 2022 và 2023, thị trường tôn mạ khó khăn đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản lượng tiêu thụ của PFS và TNFS, đặc biệt lượng hàng chính phẩm giảm mạnh. Lượng gia công chỉ mang tính chất thời điểm, phụ thuộc nhiều vào bên ngoài, công ty không chủ động được.

b) Sản phẩm tôn mạ

Tình hình tiêu thụ tôn mạ được trình bày tại Bảng 4.

**Bảng 4. Kết quả sản xuất tiêu thụ tôn mạ của VNSTEEL
giai đoạn năm 2016-2023**

Tôn mạ	ĐVT	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	Tăng trưởng BQ giai đoạn 2017-2023
I. Sản xuất	Tấn	302.853	300.826	282.627	287.869	324.059	278.447	246.635	272.009	-1,5%
Tôn Thăng Long	Tấn	78.598	64.695	68.482	66.698	78.595	78.979	61.063	50.970	-6,0%
Tôn Phương Nam	Tấn	224.255	236.131	214.145	221.171	245.464	199.468	185.572	221.039	-0,2%
II. Tiêu thụ	Tấn	301.368	302.543	282.525	294.323	325.661	261.595	247.579	290.964	-0,5%
Tôn Thăng Long	Tấn	71.041	68.850	68.412	65.204	78.196	78.610	60.080	50.636	-4,7%
Tôn Phương Nam	Tấn	230.327	233.692	214.113	229.119	247.465	182.985	187.499	240.328	0,6%

Nguồn: VNSTEEL

Sản xuất và tiêu thụ tôn mạ của hệ thống VNSTEEL giảm 0,5-1,5%/năm trong giai đoạn năm 2017-2023, Công ty Tôn Phương Nam (SSSC) tiêu thụ bình quân có tăng trưởng 0,6%/năm tuy nhiên sản lượng của đơn vị mới chỉ tăng trở lại trong năm 2023 sau khi đã đạt mức sản lượng thấp nhất trong cả giai đoạn vào 02 năm 2021 và 2022; còn đối với Công ty Cổ phần Tôn mạ Vnsteel Thăng Long (TVT), tiêu thụ giảm bình quân 4,7%/năm, năm 2023 tiêu thụ chỉ đạt gần 51.000 tấn là mức sản lượng thấp nhất trong giai đoạn này.

Trong khi đó, tổng sản xuất và tiêu thụ tôn mạ của VSA vẫn có tăng trưởng bình quân từ 5,6-6,4%/năm, điều này cho thấy các đơn vị trong hệ thống VNS đang tụt hậu so với các đối thủ cạnh tranh bên ngoài.

Việc giảm sút tương đối về năng lực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm tôn mạ so với các nhà sản xuất trong nước do những yếu tố sau:

- Thị trường trong nước cạnh tranh gay gắt, các đối thủ lớn như Hoa Sen, Nam Kim, Tôn Đông Á sử dụng chiến lược giá rẻ để chiếm lợi thế, thu hút khách hàng và chiếm thị phần. Thêm vào đó, nguồn nguyên liệu chính CRC thì hiện cả 2 đơn vị đang phải mua ngoài 100% và chưa tự chủ được nguồn nguyên liệu. Do vậy, so với các đối thủ cạnh tranh có dây chuyền sản xuất khép kín, tự chủ được nguyên liệu thì 2 đơn vị sẽ bất lợi hơn, nhất là khi giá nguyên liệu đầu vào biến động mạnh như trong năm 2022 và 2023.

- TVT và SSSC trước giờ chỉ tập trung vào thị trường trong nước (gần 100% sản lượng TVT và 95% sản lượng SSSC là tiêu thụ nội địa); sản lượng xuất khẩu của 2 đơn vị này vẫn còn rất thấp so với các đối thủ cạnh tranh lớn trong ngành như Hoa Sen, Nam Kim, Đông Á... Năm 2021, trong khi các doanh nghiệp tôn mạ tận dụng cơ hội đẩy mạnh mở rộng thị trường xuất khẩu với sản lượng trên 3,37 triệu tấn thì SSSC chỉ xuất khẩu được 37.500 tấn và sang năm 2022 khi thị trường khó khăn hơn thì lượng xuất khẩu của SSSC chỉ trên 14.600 tấn. Sang năm 2023, SSSC tuy có sự cải thiện, mở rộng thị trường xuất khẩu khi sản lượng xuất khẩu trên 80.000 tấn nhưng vẫn là tương đối thấp so với các nhà sản xuất tôn lớn khác.

- Tỷ lệ sử dụng công suất thấp: TVT công suất chỉ là 80.000 tấn/năm, thấp hơn nhiều so với các đối thủ lớn trên thị trường, nhưng tỷ lệ sử dụng công suất thấp (năm 2023 đơn vị mới chỉ khai thác được 64% công suất). SSSC với công suất là 400.000 tấn/năm đối với tôn mạ kẽm, mạ nhôm kẽm và 170.000 tấn/năm đối với tôn mạ màu nhưng với việc tiêu thụ thấp trong 2 năm 2021 và 2022 (dưới 200.000 tấn/năm) thì cũng mới chỉ khai thác được khoảng 50% công suất mạ kẽm và 76% công suất mạ màu.

2. Kết quả sản xuất, kinh doanh (SXKD) và tình hình tài chính

2.1. Kết quả SXKD và tình hình tài chính của Tổng công ty

Tóm tắt tình hình tài chính của Tổng công ty giai đoạn năm 2016-2023 được nêu tại các Bảng số 5, 6, 7 và 8 dưới đây.

**Bảng 5: Một số chỉ tiêu về hiệu quả SXKD của VNSTEEL
giai đoạn năm 2016-2023**

(Theo báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty)

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Doanh thu thuần	1.373.884	1.380.742	2.097.972	1.821.638	2.446.068	5.237.638	3.767.732	860.947
Lợi nhuận gộp	22.559	11.960	11.970	11.524	9.240	9.460	9.440	9.013
Doanh thu hoạt động tài chính	411.417	565.283	296.631	284.180	368.636	413.074	650.998	462.340
Chi phí tài chính	126.348	303.649	-53.823	73.240	182.376	-84.724	262.360	390.837
Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	140.238	163.378	79.433	60.471	64.874	276.829	107.583	69.008
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	167.390	110.217	282.991	161.994	130.625	230.430	290.494	11.508
Lợi nhuận khác	7.680	4.735	-6.670	-3.509	-2.586	-11.296	940	1.874
Lợi nhuận trước thuế	175.070	114.940	276.321	158.485	128.039	219.134	291.434	13.381
Lợi nhuận sau thuế	175.070	114.940	276.321	158.485	128.039	219.134	291.434	13.381

Hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2012, 2013 bị lỗ lớn với số lỗ lên đến 815,7 tỷ đồng. Trong các năm tiếp theo từ 2014 đến 2023 kết quả kinh doanh đã có sự cải thiện đáng kể, 10 năm liền kinh doanh đều có lãi với tổng lợi nhuận Công ty mẹ cả giai đoạn đạt hơn 1.590 tỷ đồng. Năm 2019, Công ty mẹ Tổng công ty đã xóa hết lỗ lũy kế. Lợi nhuận lũy kế đến hết 31/12/2023 là 291.813 triệu đồng (lợi nhuận lũy kế đến 31/12/2022 là 724.136 triệu đồng, trong năm 2023 Tổng công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận số tiền là 438.922 triệu đồng, trong đó thực hiện chi trả cổ tức số tiền 203.400 triệu đồng).

Bảng 6: Một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán giai đoạn năm 2016-2023

(Theo báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty)

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
A. Tài sản ngắn hạn	1.162.639	679.465	462.524	607.137	1.052.733	1.974.481	1.045.290	1.048.434
I. Tiền và các khoản trương đương tiền	439.248	296.726	201.501	391.135	714.446	1.503.655	922.856	721.726
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	8.000	8.800	0	0	0	0	10.186	17.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	666.630	331.509	217.556	118.416	243.695	343.691	67.288	263.566
IV. Hàng tồn kho	11	10	10	48.940	46.389	74.679	7	38
V. Tài sản ngắn hạn khác	48.750	42.420	43.456	48.646	48.202	52.456	44.954	46.104
B. Tài sản dài hạn	8.028.386	8.091.180	8.099.514	8.056.212	7.865.617	7.926.329	7.680.750	7.311.101
I. Các khoản phải thu dài hạn	201.100	1.100	1.100	10.767	16.766	22.246	1.100	1.100
II. Tài sản cố định	827.591	805.797	796.937	793.845	790.060	787.846	785.044	790.471
III. Bất động sản đầu tư	0	19.565	17.916	16.479	15.058	13.679	12.464	11.416
IV. Tài sản dở dang dài hạn	81.541	27.075	27.075	27.075	27.075	27.075	40.735	45.021

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
V. Đầu tư tài chính dài hạn	6.805.343	7.128.460	7.148.340	7.102.250	6.913.144	7.057.452	6.823.179	6.445.618
VI. Tài sản dài hạn khác	112.812	109.183	108.146	105.796	103.515	18.032	18.229	17.475
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	9.191.025	8.770.645	8.562.038	8.663.349	8.918.350	9.900.811	8.726.041	8.359.534
C. Nợ phải trả	2.818.438	2.199.289	1.798.261	1.741.087	1.875.317	2.649.507	1.194.641	1.036.675
I. Nợ ngắn hạn	2.205.259	1.641.247	1.240.814	1.183.912	1.318.646	2.099.316	645.076	487.115
II. Nợ dài hạn	613.179	558.041	557.447	557.175	556.671	550.191	549.565	549.560
D. Vốn chủ sở hữu	6.372.586	6.571.357	6.763.777	6.922.262	7.043.032	7.251.304	7.531.400	7.322.860
I. Vốn chủ sở hữu	6.372.586	6.571.357	6.763.777	6.922.262	7.043.032	7.251.304	7.531.400	7.322.860
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	9.191.025	8.770.645	8.562.038	8.663.349	8.918.350	9.900.811	8.726.041	8.359.534

Qua số liệu nêu tại Bảng 6 cho thấy, tổng tài sản của Tổng công ty (Báo cáo tài chính) giai đoạn năm 2016-2023, dao động từ khoảng 8.300 tỷ đến 9.901 tỷ đồng với xu hướng giảm dần. Năm 2023, tổng tài sản đạt 8.360 tỷ đồng giảm 9% so với năm 2016 (9.191 tỷ đồng).

Tỷ trọng nợ phải trả trên nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ - Tổng công ty dao động từ 0,16 đến 0,37 lần, cho thấy cơ cấu nợ đang ở mức an toàn. Nguồn vốn dài hạn hiện đã được cải thiện, tại thời điểm 01/01/2022, Công ty mẹ - Tổng công ty bị mất cân đối tài chính 124,83 tỷ đồng, tuy nhiên đến 31/12/2022 tình hình tài chính của Công ty mẹ - Tổng công ty đã được cải thiện và không còn bị mất cân đối chủ yếu do kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2022 có được từ nguồn thu cổ tức, lợi nhuận từ các đơn vị có vốn góp của Tổng công ty.

Vốn chủ sở hữu của Tổng công ty tại (báo cáo tài chính riêng) giai đoạn năm 2016-2023 có sự tăng trưởng song tỉ lệ tăng trưởng thấp. Qua 8 năm (từ năm 2016-2023), vốn chủ sở hữu chỉ tăng có 15%, từ 6.372 tỷ đồng (năm 2016) lên 7.323 tỷ đồng (năm 2023).

Qua đó cho thấy khả năng huy động vốn cho đầu tư phát triển của Tổng công ty vẫn gặp nhiều khó khăn. Đây là rủi ro rất lớn của Tổng công ty trong hoạt động đầu tư và là điểm yếu so với các đối thủ cạnh tranh.

2.2. Kết quả SXKD và tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty giai đoạn năm 2016-2023

Bảng 7: Một số chỉ tiêu về kết quả SXKD giai đoạn năm 2016-2023

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Doanh thu thuần	17.849.248	19.807.136	35.388.401	34.020.755	31.300.959	40.572.198	38.492.156	30.305.110
Lợi nhuận gộp	1.531.960	1.381.942	1.676.358	1.498.545	1.752.973	2.174.854	726.581	999.253
Doanh thu hoạt động tài chính	308.081	344.816	258.994	243.293	369.155	435.460	664.319	487.416
Lãi (lỗ) trong Công ty liên kết, liên doanh	173.839	18.580	163.290	177.976	-106.784	155.729	-696.177	-459.267
Chi phí tài	262.308	259.688	484.780	530.543	290.731	300.109	476.988	421.362

chính								
Chi phí bán hàng	346.430	264.510	321.708	302.865	347.319	302.417	298.979	284.529
Chi phí quản lý doanh nghiệp	499.453	496.555	647.309	604.168	686.157	1.141.525	673.538	614.427
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	905.689	724.585	644.845	482.238	691.137	1.021.992	-754.783	-292.917
Lợi nhuận khác	42.343	37.048	29.774	20.419	5.807	9.908	31.689	41.126
Lợi nhuận kế toán trước thuế	948.032	761.633	674.619	502.657	696.944	1.031.900	-723.093	-251.791

Trong giai đoạn năm 2016-2021, hầu hết các đơn vị trong hệ thống VNSTEEL đều có hiệu quả trong hoạt động SXKD ngoại trừ một số đơn vị có một số năm bị lỗ và/ hoặc có lỗ lũy kế như VTM, PFS, MDC, Nasteelvina, Vinapipe, Kim khí Hà Nội và một số đơn vị đang trong quá trình giải thể, phá sản như Thép Tấm Miền Nam, Tân Thành Mỹ. Tuy nhiên, trong các năm 2022 và 2023, tình hình thị trường rất khó khăn và bất lợi cho ngành thép, giá các mặt hàng thép liên tục giảm mạnh trong khi nhu cầu thị trường suy yếu cả trong nước và thế giới cộng với những tồn tại, hạn chế nội tại, hoạt động SXKD của các đơn vị thêm khó khăn, hiệu quả kinh doanh sụt giảm nghiêm trọng nên hầu hết các đơn vị quy mô lớn trước đây kinh doanh hiệu quả đều bị lỗ, thậm chí lỗ lớn (khối công ty con: 6/13 đơn vị, khối công ty liên kết: 7/17 đơn vị lỗ), dẫn tới lợi nhuận hợp nhất trước thuế năm 2022 bị lỗ 720,97 tỷ đồng và lợi nhuận hợp nhất trước thuế năm 2023 lỗ 251,79 tỷ đồng.

Bảng 8: Một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán giai đoạn năm 2016 – 2023

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
A. Tài sản ngắn hạn	5.897.603	5.705.500	9.867.339	8.280.660	8.278.365	13.377.282	10.129.118	10.707.085
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	1.754.246	1.241.412	774.309	828.844	1.540.075	2.155.629	1.487.756	1.351.540
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	140.869	189.665	410.825	422.525	620.000	798.300	1.035.405	1.984.300
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	1.631.396	1.356.659	2.252.168	2.215.352	1.941.063	2.781.841	2.501.381	2.788.499
IV. Hàng tồn kho	2.176.629	2.679.179	5.862.873	4.283.713	3.779.766	6.920.034	4.714.396	4.046.856
V. Tài sản ngắn hạn khác	194.463	238.585	567.164	530.226	397.461	721.478	390.181	535.888
B. Tài sản dài hạn	8.853.964	8.638.613	14.289.066	14.363.585	14.073.397	14.017.706	13.110.280	12.638.655
I. Các khoản phải thu dài hạn	11.233	11.358	91.672	90.151	83.587	90.129	61.098	62.875
II. Tài sản cố định	3.520.066	3.233.281	4.612.417	4.182.673	3.763.010	3.337.607	2.957.494	2.665.269
III. Bất động sản đầu tư	121.806	117.968	111.221	104.094	97.374	90.789	84.736	80.094
IV. Tài sản dở dang dài hạn	105.394	43.653	5.147.463	5.414.837	5.733.424	6.056.676	6.319.583	6.680.126

V. Đầu tư tài chính dài hạn	4.771.422	4.891.273	3.767.457	3.995.342	3.865.199	4.012.249	3.289.621	2.820.054
VI. Tài sản dài hạn khác	324.043	341.080	558.836	576.488	530.803	430.256	397.748	330.234
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	14.751.567	14.344.113	24.156.405	22.644.245	22.351.762	27.394.988	23.239.398	23.245.740
C. Nợ phải trả	7.152.279	6.108.253	14.911.152	13.009.580	12.264.579	16.525.772	13.347.870	14.067.201
I. Nợ ngắn hạn	6.445.020	5.441.576	10.964.145	9.884.562	9.305.513	13.348.604	10.301.636	10.094.291
II. Nợ dài hạn	707.259	666.677	3.947.007	3.125.018	2.959.066	3.177.168	3.046.234	3.162.909
D. Vốn chủ sở hữu	7.599.288	8.235.860	9.245.253	9.634.665	10.087.183	10.869.216	9.891.528	9.278.539
I. Vốn chủ sở hữu	7.599.218	8.235.860	9.245.253	9.634.665	10.087.183	10.869.216	9.891.528	9.278.539
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	14.751.567	14.344.113	24.156.405	22.644.245	22.351.762	27.394.988	23.239.398	23.345.740

Bảng 8 cho thấy tổng tài sản hợp nhất trong giai đoạn năm 2016-2023 có sự tăng trưởng cao hơn các chỉ tiêu khác, tăng từ 14.751 tỷ đồng (năm 2016) lên 23.245 tỷ đồng (năm 2023), tuy nhiên tính trung bình chỉ tăng khoảng 6%/năm.

3. Kết quả thực hiện đầu tư phát triển

Trong giai đoạn từ năm 2016-2023, hệ thống Tổng công ty (bao gồm công ty mẹ, công ty con và liên kết) đã triển khai các dự án đầu tư với giá trị thực hiện là 2.317,49 tỷ đồng, trong đó chủ yếu là các dự án của các công ty liên kết. Công ty mẹ không có dự án đầu tư mới nào được triển khai.

Thống kê giá trị thực hiện hàng năm phân theo nguồn vốn như sau:

Bảng 9. Giá trị thực hiện dự án đầu tư giai đoạn năm 2016-2023

Đơn vị: tỷ đồng

Nguồn vốn	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Vốn chủ sở hữu	214,94	173,69	200,95	314,29	231,11	120,37	9,58	22,75
Vốn vay	69,03	93,65	69,52	384,53	333,08	0,0	80	0
Tổng cộng	283,97	267,34	270,47	698,82	564,19	120,37	89,58	22,75

Trong giai đoạn vừa qua, giá trị đầu tư thực hiện chủ yếu các dự án nhóm B, C của các công ty con và công ty liên kết. Công ty mẹ Tổng công ty chỉ đầu tư một số hạng mục (chủ yếu là nhóm C). Trong lĩnh vực sản xuất và chế biến thép, chỉ có duy nhất dự án của Công ty Tôn Phương Nam với công suất 150.000 tấn tôn mạ kẽm/năm;

Trong khi đó, Tổng công ty đang phải xử lý những tồn tại yếu kém của hai dự án của Công ty Gang thép Thái Nguyên và Công ty Khoáng sản và luyện kim Việt Trung. Dự án đầu tư mở rộng sản xuất giai đoạn 2 Công ty Gang thép Thái Nguyên (Dự án Tisco2 – Nhóm A) do Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên làm chủ đầu tư đang trong tình trạng thi công dở dang, bị dừng thi công từ đầu năm 2013 đến nay (hơn 10 năm). Dự án Tisco 2 cùng với Công ty VTM là hai dự án, doanh nghiệp thuộc danh mục 12 Dự án, doanh nghiệp yếu kém của ngành Công Thương theo chỉ đạo của Chính phủ tại Đề án 1468.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng, tuy nhiên việc xử lý tồn tại hai dự án này vẫn kéo dài, chưa có hiệu quả.

Như vậy, trong các năm vừa qua hoạt động đầu tư của các Công ty trong hệ thống VNSTEEL rất thấp, không có các sản phẩm thép mới ra đời, năng lực sản xuất hầu như

không có sự tăng trưởng, VNSTEEL ngày càng bị tụt hậu về quy mô công suất, sản phẩm so với các nhà sản xuất thép trong nước như Hòa Phát, Tôn Hoa Sen, Formosa...

4. Đánh giá chung về năng lực và vị thế hiện nay của Tổng công ty hiện nay

Đến thời điểm này, VNSTEEL không còn giữ vị thế dẫn đầu ngành thép Việt Nam xét trên năng lực sản xuất thép thô, sản lượng các loại sản phẩm (thép xây dựng, thép cán nguội, tôn mạ và ống thép), năng lực cạnh tranh và thị phần bị giảm sút liên tục. Điều này xuất phát từ nhiều nguyên nhân trong đó có yếu tố nội tại như quy mô nhà máy nhỏ, thiết bị công nghệ cũ chưa được đổi mới, các nhà máy nằm phân tán. Bên cạnh đó trong thời gian qua, có nhiều những biến động của môi trường kinh doanh, đặc biệt trong ngành thép do sự tăng trưởng nhanh chóng của khu vực có vốn FDI và tư nhân, đã làm thay đổi tình hình theo hướng bất lợi cho Tổng công ty. Vị thế của VNSTEEL có thể được xem xét qua những tiêu chí sau:

4.1. Về năng lực sản xuất:

- Đối với lĩnh vực thép dài: Năng lực sản xuất thép dài của toàn hệ thống VNSTEEL đã suy giảm mạnh. Sản lượng sản xuất không có tăng trưởng một phần do không có đầu tư mới trong những năm vừa qua, đồng thời năng lực sản xuất chung của toàn hệ thống giảm đi khi thực hiện công tác tái cơ cấu Tổng công ty (bán, giải thể). Trong hệ thống hiện nay chỉ có 3 đơn vị sản xuất vượt công suất thiết kế là Thép Miền Nam, VUC và NSV; các đơn vị thép dài còn lại chỉ hoạt động từ 78 - 90% công suất thiết kế. Việc không phát huy được tối đa công suất chủ yếu do năng lực cạnh tranh ngày càng giảm sút, không có lợi thế về chi phí sản xuất do quy mô của từng cơ sở sản xuất thua kém so với đối thủ cạnh tranh; không có lợi thế về vị trí địa lý; bất lợi về logistic trước các đối thủ hiện đang vận hành những liên hợp thép có quy mô lớn, sản xuất khép kín được xây dựng ở khu vực có cảng nước sâu, thuận lợi cho việc vận chuyển nguyên liệu đầu vào và thành phẩm.

- Đối với lĩnh vực thép dẹt: Năng lực sản xuất CRC và tôn mạ của VNSTEEL chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ tại thị trường Việt Nam và khó có thể tăng trưởng do có khoảng trống trong chuỗi sản phẩm khi VNSTEEL chưa tự sản xuất được HRC, 100% HRC phải mua ngoài để phục vụ cho sản xuất CRC. Hai đơn vị tôn mạ cũng chưa tự sản xuất được CRC, phụ thuộc vào nguồn CRC mua của các đơn vị trong hệ thống và mua của các nguồn bên ngoài. Trong khi đó, cả 4 đơn vị thép dẹt phải cạnh tranh hết sức gay gắt với những đối thủ có quy mô sản xuất lớn như Hoa Sen, Tôn Đông Á, Nam Kim,...

4.2. Về thị phần:

- Đối với thép dài: VNSTEEL không còn vai trò dẫn dắt thị trường, thị phần giảm liên tục do cạnh tranh gay gắt. Tại thị trường nội địa, các đơn vị vẫn giữ được hệ thống Nhà phân phối/khách hàng nhưng thị phần tại hầu hết các địa phương đều bị suy giảm khi các Nhà phân phối tăng cường bán thêm các thương hiệu đối thủ khác. Trong khi đó, các đối thủ cũng chủ động phát triển thêm Nhà phân phối tại cùng địa bàn để cạnh tranh trực tiếp với các thương hiệu trong hệ thống VNSTEEL. Tại thị trường xuất khẩu, công tác đa dạng hóa và mở rộng thị trường xuất khẩu còn nhiều hạn chế và bị động, các đơn vị mới chỉ tập trung khai thác thị trường Campuchia với các chủng loại sản phẩm truyền thống. Trong khi các đối thủ đã mở rộng xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, Canada, Hàn Quốc, Philippines, Thái Lan... với các mác thép SAE đa dạng.

- Đối với lĩnh vực thép dẹt: PFS và TNFS chủ yếu sản xuất CRC và gia công cho các nhà sản xuất tôn mạ lớn như Hoa Sen, Nam Kim, Tôn Đông Á. Tuy nhiên, các đối thủ cạnh tranh của PFS và TNFS đều là các công ty lớn (như Posco, CSVC) có tiềm lực tài chính và quy mô sản xuất vượt trội, đồng thời có các chính sách giá linh hoạt nên có

nhiều lợi thế hơn trong các cuộc chiến về giá để giành thị phần. Ngoài ra, các nhà sản xuất tôn mạ lớn cũng đang dần chủ động trong sản xuất CRC, không phụ thuộc vào nguồn CRC mua ngoài nên sản lượng gia công sẽ giảm dần trong thời gian tới.

Thị phần tôn mạ của VNSTEEL chiếm tỷ lệ nhỏ trên thị trường và không có tăng trưởng trong những năm qua trong khi các đối thủ cạnh tranh không ngừng gia tăng và mở rộng thị phần. Đến nay, các nhà sản xuất lớn như Hoa Sen, Nam Kim, Tôn Đông Á, Hòa Phát đã chiếm hơn 60% thị phần tôn mạ của Việt Nam, đồng thời có năng lực cạnh tranh cao hơn nên VNSTEEL ngày càng gặp khó khăn trong việc giữ thị phần tôn mạ, có nguy cơ ngày càng bị thu hẹp thị phần.

4.3. Về tính cạnh tranh:

Năng lực cạnh tranh của phần lớn các doanh nghiệp trong hệ thống còn khá thấp khi chi phí sản xuất cao so với đối thủ do các cơ sở sản xuất của VNSTEEL vừa phân tán, vừa có quy mô thấp, thiết bị công nghệ hầu hết đã cũ, năng lực sản xuất của một số đơn vị đã chạm giới hạn, trong khi đối thủ ngày càng đầu tư mở rộng sản xuất, nâng cấp mới.

Chính sách bán hàng của các công ty trong hệ thống VNSTEEL (các công ty con) không được linh hoạt như các doanh nghiệp tư nhân do tỷ lệ vốn nhà nước cao nên các đơn vị chịu nhiều quy định ràng buộc, dẫn đến việc ra quyết định kinh doanh chậm, thiếu linh hoạt. Đặc biệt, các chính sách bán hàng kém cạnh tranh hơn so với các doanh nghiệp tư nhân.

4.4. Về hiệu quả kinh doanh:

Về tổng thể, hiệu quả kinh doanh của cả mảng thép dài và thép dẹt của VNSTEEL đều ở mức rất thấp hơn các đối thủ cạnh tranh trực tiếp như Hòa Phát, VAS, Hoa Sen, Nam Kim, Tôn Đông Á.

4.5. Về các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của các nhà máy thép hiện tại trong hệ thống VNS cao hơn so với các nhà máy thép khác như Hòa Phát, Fomosa.. chi tiết được thông kê tại Phụ lục¹.

4.6. Về năng lực tài chính của Tổng công ty:

Về tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty đã được nêu tại mục 2.2 phần I, theo đó các chỉ tiêu tài chính cụ thể của Tổng công ty như sau:

- Tổng tài sản hợp nhất tại 31/12/2023: 23.345.741 triệu đồng;
- Nguồn vốn chủ sở hữu tại 31/12/2023: 9.278.540 triệu đồng;
- Lợi nhuận trước thuế tại 31/12/2023: -251.791 triệu đồng.

Trong 02 năm 2022 và 2023, tổng số lợi nhuận trước thuế hợp nhất lỗ 972.763 triệu đồng.

Hiện nay, đối với các đơn vị trong hệ thống Tổng công ty kết quả kinh doanh giảm sút, tổng tài sản cũng bị sụt giảm, khả năng tích lũy tài chính thấp, cơ cấu tài chính không lành mạnh.

Tóm lại với thực trạng năng lực tài chính của Tổng công ty và các đơn vị thành viên là yếu tố với các nhà sản xuất và kinh doanh thép trong nước như Hòa Phát, Hoa Sen, Posco, Formosa... và các đơn vị khác.

¹ Phụ lục I - Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật về luyện gang, luyện thép và cán thép.

Năng lực tài chính để đầu tư mới, nâng cao công suất, đổi mới công nghệ, thiết bị của Tổng công ty và các đơn vị thành viên là rất hạn chế.

Về tổng thể vị thế của Tổng công ty trong ngành thép Việt Nam có thể tóm tắt như sau:

- Vị thế của VNSTEEL đã bị tụt hạng so với thời điểm trước cổ phần hóa và đứng trước nguy cơ tiếp tục tụt hạng trong những năm tới. Hiện VNSTEEL không còn là doanh nghiệp dẫn đầu thị trường và sức cạnh tranh kém so với đối thủ. Có thể nói VNSTEEL không chỉ dậm chân tại chỗ mà còn thụt lùi trong khi các đối thủ đều có sự phát triển đáng kể.

- Vị thế của VNSTEEL chỉ có thể đạt được nhờ mối liên kết chặt chẽ trong hệ thống. Nếu chỉ tách riêng Công ty mẹ hoặc từng đơn vị thành viên thì vai trò còn mờ nhạt và sức cạnh tranh bị hạn chế trong ngành thép Việt Nam hiện nay. VNSTEEL cần tăng cường củng cố và phát huy sự liên kết này.

- Để giữ vững và không tiếp tục bị thụt lùi về vị thế, VNSTEEL cần chủ động tiếp cận xu thế phát triển của ngành thép thế giới, cơ cấu lại sản xuất và kinh doanh theo tín hiệu của thị trường; chủ động tăng năng lực cạnh tranh thông qua việc tiết kiệm chi phí, cải tiến năng lực quản trị, nâng cao chất lượng sản phẩm, mở rộng thị trường, điều chỉnh chính sách bán hàng và hệ thống phân phối phù hợp với tình hình mới.

II. Kết quả thực hiện Tái cơ cấu giai đoạn 2015 đến nay

A. Đánh giá kết quả thực hiện Tái cơ cấu giai đoạn năm 2015-2020

Thực hiện công văn số 7418/BCT-TCCB ngày 22/8/2012 của Bộ Công thương, về việc thực hiện Quyết định số 929/QĐ-TTg ngày 17/7/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tái cơ cấu doanh nghiệp Nhà nước, trọng tâm là các tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước giai đoạn năm 2011-2015”, Tổng công ty đã xây dựng Đề án tái cơ cấu giai đoạn năm 2012-2015. Tuy nhiên, do trong giai đoạn năm 2012-2014 thị trường chứng khoán trầm lắng, giá trị giao dịch các cổ phiếu niêm yết trên sàn chứng khoán giảm mạnh và các doanh nghiệp ngành thép gặp nhiều khó khăn, kinh doanh thu lỗ, nên Đề án tái cơ cấu của Tổng công ty không triển khai được.

Trước tình hình đó, Tổng công ty đã rà soát, đánh giá lại toàn bộ công tác tái cơ cấu trên cơ sở tình hình thực tế và bám sát chiến lược phát triển của Tổng công ty để điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện Đề án tái cơ cấu và đã được Bộ Công Thương phê duyệt tại văn bản số 3844/BCT-CNNg ngày 20/4/2015. Ngày 05/05/2015, HĐQT Tổng công ty đã ban hành Quyết định số 134/QĐ-VNS phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tổng công ty Thép Việt Nam giai đoạn 2015-2016 và 2016-2020; ngày 18/05/2016 ban hành Quyết định số 148/QĐ-VNS điều chỉnh một số nội dung trong Đề án tái cơ cấu; ngày 15/10/2019 HĐQT ban hành Quyết định số 204/QĐ-VNS tiếp tục thực hiện Đề án tái cơ cấu Tổng công ty.

Việc thực hiện Đề án tái cơ cấu Tổng công ty giai đoạn năm 2016-2020 đã đạt được kết quả tích cực, cụ thể như sau:

1. Kết quả đã đạt được

1.1 Hoàn thành tái cơ cấu chi nhánh, đơn vị trực thuộc

Hoàn thành việc chuyển đổi 04 chi nhánh thành Công ty TNHH MTV do Tổng công ty sở hữu 100% vốn điều lệ, bao gồm:

- Chuyển đổi Công ty Thép Miền Nam thành Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam-Vnsteel;

- Chuyển đổi Công ty Thép tấm lá Phú Mỹ thành Công ty TNHH MTV Thép Tấm lá Phú Mỹ-Vnsteel;
- Chuyển đổi Công ty tư vấn và thiết kế luyện kim thành Công ty TNHH MTV Tư vấn MDC-Vnsteel;
- Chuyển đổi Trung tâm Hợp tác lao động với nước ngoài thành Công ty TNHH MTV Cung ứng nhân lực và dịch vụ - Vnsteel

1.2. Hoàn thành mua thêm cổ phần của IBC, Thép Tây Đô và gia hạn hợp đồng liên doanh:

- Hoàn thành việc nhận chuyển nhượng 10% vốn điều lệ Trung tâm thương mại quốc tế (IBC) theo Giấy chứng nhận đầu tư và Hợp đồng liên doanh, tăng tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty từ 40% lên 50% vốn điều lệ IBC.
- Hoàn thành mua 20% vốn điều lệ Công ty Thép Tây Đô do Công ty An Phú chuyển nhượng tăng tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty tại Thép Tây Đô từ 35% lên 55% vốn điều lệ.
- Hoàn thành việc gia hạn Hợp đồng liên doanh của Công ty Nippovina

1.3. Thoái vốn đầu tư của Tổng công ty tại 09 đơn vị

Bảng 10: Kết quả thu được từ công tác thoái vốn

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung thoái vốn	Số tiền thu về	Giá trị sổ sách	Chi phí thoái vốn	Hiệu quả thu được
1	CT CP KK Bắc Thái	9.695.776.000	6.879.690.271	170.550.000	2.645.535.729
2	Cty Tài chính Xi măng	75.600.000.000	73.806.162.755	340.000.000	1.453.837.245
3	Công ty CP KKMT	52.791.600.000	51.151.856.000	79.489.900	1.560.254.100
4	CP BH Petrolimex	88.897.536.000	45.676.396.250	133.346.304	43.087.793.446
5	Đôlômít Việt Nam	1.500.000.000	1.500.000.000	67.500.000	0
6	ĐTXDMN	1.682.520.000	1.721.370.265	125.454.545	-164.304.810
7	Thép Tân Thuận	5.610.000.000	5.550.808.010	170.909.091	-111.717.101
8	Cơ điện LKTN	9.580.300.400	6.211.770.000	196.363.636	3.172.166.764
9	Thép Tây Đô	57.452.582.887	27.223.407.862	261.818.182	29.967.356.8
	Tổng cộng :	302.810.351.287	219.721.461.413	1.545.431.658	81.610.922.216

1.4. Công tác giải thể và chấm dứt hoạt động Công ty:

Hoàn thành việc giải thể các Công ty gồm: Công ty CP Thép Dự ứng lực; Công ty TNHH Posvina và Công ty TNHH VNS Daewoo; Công ty TNHH Thép VSC-POSCO.

1.5 Việc góp thêm vốn để giữ nguyên tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty tại Công ty TNHH Cơ khí Việt Nhật (28% vốn điều lệ): đã hoàn thành.

2. Các công việc chưa thực hiện được

2.1. Giảm vốn nhà nước tại Công ty mẹ - Tổng công ty:

Hiện nay, việc thoái vốn nhà nước tại Tổng công ty vẫn chưa thực hiện được do Tổng công ty vẫn chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán cổ phần hóa; tỷ lệ vốn nhà nước tại Tổng công ty tính đến thời điểm hiện tại vẫn chiếm tỷ lệ 93,93%.

2.2. Về tái cơ cấu tổ chức:

- Không thực hiện đề án chuyển Khách sạn Phương Nam thành mô hình doanh nghiệp phức lợi phục vụ người lao động;

- Chưa thực hiện việc thành lập mới 01 Công ty TNHH MTV 100% vốn Tổng công ty sau khi chấm dứt hoạt động Công ty TNHH Thép VSC-POSCO tại khu vực Hải Phòng.

2.3. Về việc tăng vốn đầu tư tại các công ty con, công ty liên kết:

- Không thực hiện đầu tư thêm vốn bằng việc mua lại phần vốn của các đối tác để tăng tỷ lệ vốn nắm giữ tại Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện kim Việt Trung lên 51% vốn điều lệ. VTM thuộc danh sách 12 dự án, doanh nghiệp yếu kém ngành Công thương. Việc xử lý tồn tại yếu kém của VTM kéo dài chưa hiệu quả. Hiện nay, VTM đã dừng hoạt động sản xuất từ tháng 5/2022.

- Tổng công ty đã có văn bản báo cáo Bộ Công Thương xin dừng thực hiện góp thêm 208 tỷ đồng tại Công ty cổ phần sắt Thạch Khê (TIC) để duy trì tỷ lệ vốn góp 20% vốn điều lệ tương đương khoảng 480 tỷ đồng tại TIC. Hiện tại Dự án mỏ sắt Thạch Khê đã dừng thực hiện. Do vậy, không có kế hoạch góp thêm vốn khi TIC có kế hoạch tăng vốn điều lệ do tăng tổng mức đầu tư dự án từ 9.932,2 tỷ đồng lên 14.618,2 tỷ đồng.

2.4. Về nghiên cứu đầu tư vốn để thành lập mới các công ty thượng nguồn: không thực hiện do chưa có đủ nguồn lực và tình hình kinh doanh có nhiều thay đổi.

2.5. Về công tác thoái một phần vốn đầu tư của Tổng công ty tại các Công ty con, Công ty liên kết:

i) Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên: giảm vốn từ 65 vốn điều lệ xuống còn 51% vốn điều lệ giai đoạn 1 (2014-2015); Giai đoạn 2 (2015-2016) tăng tỷ lệ vốn đầu tư của Tổng công ty tại TISCO từ 42,2% vốn điều lệ lên 51% bằng việc mua lại tối thiểu là 8,8% vốn điều lệ từ các cổ đông hiện hữu.

Hiện tại, việc thoái vốn trên của TISCO không thực hiện được, ngoài ra Dự án giai đoạn 2 của TISCO là một trong 12 dự án thuộc danh mục dự án, doanh nghiệp yếu kém của ngành Công thương. Từ năm 2017 đến nay việc thoái vốn của Tổng công ty tại TISCO đã được Tổng công ty báo cáo lên Chính phủ và Ban Chỉ đạo. Tổng công ty đã báo cáo phương án thoái vốn của Tổng công ty lên các cấp có thẩm quyền theo chỉ đạo của Chính phủ tại văn bản số 123/TB-VPCP ngày 08/4/2019. Đến thời điểm hiện nay việc thoái vốn của Tổng công ty tại TISCO vẫn chưa triển khai thực hiện. Theo các văn bản chỉ đạo mới và gần đây nhất của Chính phủ tại văn bản số 116/TB-VPCP ngày 18/7/2023.

ii) Chưa hoàn thành việc giảm quy mô vốn đầu tư của Tổng công ty tại các công ty gồm:

- Công ty CP Tôn mạ Vnsteel Thăng Long;
- Công ty CP Kim khí Hà Nội;
- Công ty TNHH MTV Tư vấn và thiết kế luyện kim (nay là Công ty TNHH MTV Tư vấn MDC-VNSTEEL);

- Công ty TNHH MTV Hợp tác lao động với nước ngoài (nay là Công ty TNHH MTV Cung ứng nhân lực Quốc tế -VNSTEEL);

iii) Về việc thoái toàn bộ vốn đầu tư của Tổng công ty tại các Công ty con, công ty liên kết: Đến hết giai đoạn (2015-2020), chưa hoàn thành việc thoái toàn vốn của Tổng công ty tại các đơn vị:

- Công ty cổ phần Thép tấm Miền Nam;
- Công ty CP giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam;
- Công ty TNHH Cảng quốc tế Thị Vải;
- Công ty TNHH ống thép Nippon Steel & Sumikin Việt Nam (nay là Công ty TNHH ống thép hàn xoắn Nippon Steel Việt Nam);
- Công ty cổ phần Tân Thành Mỹ;
- Công ty cổ phần Trúc Thôn (Công ty Cổ phần RedstarCera);
- Công ty cổ phần Thép Đà Nẵng;
- Công ty ống thép Việt Nam;
- Công ty địa ốc Thép Việt Nam – Quang Huy;
- Công ty CP Lưới thép Bình Tây;
- Công ty Vật liệu chịu lửa Nam Ứng;
- Công ty CP Thép Tấm lá Thông Nhất.

iv) Về việc cơ cấu lại các công ty:

- Tổng công ty không chuyển nhượng toàn bộ cổ phần Tổng công ty hiện đang nắm giữ tại 03 Công ty (Công ty CP Thép Nhà Bè - Vnsteel 69,07%; Công ty cổ phần thép Vicasa - Vnsteel 65%; Công ty cổ phần thép Thủ Đức - Vnsteel 65%) cho Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - Vnsteel để 03 công ty này trở thành công ty con của Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - Vnsteel.

B. Đánh giá kết quả thực hiện Tái cơ cấu giai đoạn từ 2021 đến nay (Quyết định 352/QĐ-VNS ngày 29/12/2021)

Hội đồng quản trị đã có Tờ trình số 573/TTr-VNS ngày 7/5/2021 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét thông qua dừng thực hiện Đề án cơ cấu Tổng công ty ban hành kèm theo Quyết định số 134/QĐ-VNS ngày 05/05/2015; Quyết định số 148/QĐ-VNS ngày 18/5/2016 về điều chỉnh một số nội dung trong Đề án tái cơ cấu và Quyết định số 204/QĐ-VNS ngày 15/10/2019.

Ngày 28/6/2021 Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty đã ban hành Nghị quyết số 13/NQ-VNS trong đó có nội dung nhất trí thông qua tờ trình số 573/TTr-VNS ngày 7/5/2021 và thông qua báo cáo số 574/BC-VNS ngày 7/5/2021 về Định hướng công tác tái cơ cấu của Tổng công ty Thép Việt Nam – CTCP giai đoạn 2021-2026.

Căn cứ Nghị quyết trên, ngày 29/12/2021 Hội đồng quản trị đã ban hành Quyết định số 352/QĐ-VNS phê duyệt kế hoạch tái cơ cấu một số đơn vị thành viên của Tổng công ty Thép Việt Nam giai đoạn năm 2021-2022: thoái vốn toàn bộ vốn của VNS tại các đơn vị gồm Công ty cổ phần RedstarCera; Công ty cổ phần thép Đà Nẵng; Công ty TNHH Ống thép Việt Nam; Công ty TNHH MTV Tư vấn MDC-Vnsteel; Công ty TNHH MTV Cung ứng nhân lực Quốc tế - Vnsteel; Công ty TNHH Cảng quốc tế Thị Vải; Chấm dứt Hợp đồng liên doanh, thanh lý, giải thể công ty Vật liệu chịu lửa Nam Ứng; Thực hiện thủ tục phá sản Công ty Thép tấm Miền Nam và Công ty cổ phần Tân Thành Mỹ.

1. Những việc đã hoàn thành

Đã hoàn thành việc giải thể và thanh lý tài sản của Công ty Vật liệu chịu lửa Nam Ứng theo đúng quy định của pháp luật.

2. Những việc chưa hoàn thành

Chưa hoàn thành việc thoái vốn tại các doanh nghiệp theo Quyết định số 352/QĐ-VNS ngày 29/12/2021 của Hội đồng quản trị bao gồm:

- + Công ty cổ phần RedstarCera;
- + Công ty cổ phần Thép Đà Nẵng;
- + Công ty TNHH Ống thép Việt Nam;
- + Công ty TNHH MTV Tư vấn MDC - VNSTEEL;
- + Công ty TNHH MTV Cung ứng nhân lực và Dịch vụ - VNSTEEL (nay là Công ty TNHH MTV Cung ứng nhân lực Quốc tế -VNSTEEL);
- + Công ty TNHH Cảng Quốc tế Thị Vải.

3. Nguyên nhân chưa hoàn thành việc thoái vốn giai đoạn từ năm 2021 đến nay

3.1. Nguyên nhân khách quan

- Các công ty thuộc danh mục thoái vốn của Tổng công ty trong giai đoạn này có hoạt động không hiệu quả, có quy mô vốn nhỏ, ngành nghề đặc thù nên không hấp dẫn các nhà đầu tư. Mặt khác, việc thoái vốn phải tuân thủ các quy định của Nhà nước đối với các doanh nghiệp về bảo toàn được vốn góp nên quá trình thoái vốn diễn ra chậm, một số khoản thoái vốn theo kế hoạch nhưng không thành công.

- Quy trình thủ tục pháp lý kéo dài khi thực hiện thoái vốn đối của VNSTEEL đối với một số đơn vị thực hiện chào bán ra công chúng theo luật Chứng khoán, trong khi chứng thư định giá của doanh nghiệp chỉ có thời hạn là 06 tháng. Do vậy, đã ảnh hưởng đến tiến độ thoái vốn.

3.2. Nguyên nhân chủ quan

- Một số đơn vị thực hiện thoái vốn theo kế hoạch nhưng phải tạm dừng theo chỉ đạo của cơ quan chức năng do vướng mắc về đất đai.

- Việc quyết toán cổ phần hóa tại Công ty mẹ Tổng công ty chưa được phê duyệt.

III. Bài học kinh nghiệm

Như vậy, có thể đánh giá về cơ bản Tổng công thép Việt Nam đã bám sát các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị thực hiện nghiêm túc Đề án tái cơ cấu giai đoạn năm 2015-2020 và giai đoạn từ năm 2021 đến nay, đã đạt được một số kết quả nhất định. Tuy nhiên, việc thực hiện Đề án tái cơ cấu Tổng công ty trong giai đoạn vừa qua còn tồn tại một số hạn chế, chưa hoàn thành mục tiêu đề ra. Một số bài học có thể rút ra trong quá trình xây dựng và tổ chức thực hiện Đề án tái cơ cấu Tổng công ty như sau:

1. Việc xây dựng Đề án tái cơ cấu cần bám sát chủ trương, chính sách của Đảng, hướng dẫn của các cơ quan quản lý.

2. Để xây dựng được Đề án có tính khả thi, công tác thu thập số liệu thông tin cần phải phải chú trọng thu thập đầy đủ về phạm vi, nội dung toàn diện, lựa chọn phương pháp phân tích đánh giá, mục tiêu và các giải pháp sát với thực tế của doanh nghiệp.

3. Người đứng đầu phải có quyết tâm cao, có định hướng rõ ràng, kế hoạch cụ thể và cam kết bố trí đủ nguồn lực để thực hiện.

4. Việc tổ chức thực hiện Đề án sau khi phê duyệt, cần bám sát kế hoạch lộ trình nêu trong đề án; phân công một lãnh đạo của Tổng công ty chỉ đạo cụ thể các bộ phận nghiệp vụ triển khai nhiệm vụ, điều phối các công việc, kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh.

5. Làm tốt công tác tuyên truyền, sự tham gia tích cực của các tổ chức chính trị đoàn thể.

6. Trong giai đoạn phát triển mới, với sự phát triển nhanh chóng của khoa học công nghệ, chuyển đổi số, cạnh tranh trong ngành thép càng ngày càng gay gắt kèm với các thay đổi về môi trường kinh doanh, cách thức kinh doanh, thì cấu trúc tổ chức, mô hình kinh doanh cần phải thay đổi thích nghi kịp thời. Điều đó đòi hỏi phải thường xuyên rà soát đánh giá và điều chỉnh Đề án tái cơ cấu một cách kịp thời.

PHẦN II

ĐỊNH HƯỚNG VÀ PHƯƠNG ÁN TÁI CƠ CẤU GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2025

I. Sự cần thiết và cơ sở pháp lý xây dựng Đề án tái cơ cấu Tổng công ty Thép Việt Nam, giai đoạn đến năm 2025

1. Sự cần thiết xây dựng Đề án

- Tính đến nay, sau hơn 12 năm kể từ ngày cổ phần hóa, Tổng công ty thép Việt Nam đã trở thành một doanh nghiệp đại chúng quy mô lớn, vẫn giữ được là một trong những nhà sản xuất thép hàng đầu tại Việt Nam. Thực hiện Đề án tái cơ cấu giai đoạn vừa qua đã từng bước cải thiện hiệu quả sản xuất kinh doanh, đã xóa hết lỗ lũy kế, thực hiện chia cổ tức lần đầu vào năm 2023, các đầu mối sản xuất được tinh giảm hơn. Tuy nhiên, trong 3 năm gần đây hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty liên tục giảm sút, khả năng cạnh tranh của Tổng công ty kém so với các nhà sản xuất thép trong nước.

- Thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty và các công con, công ty liên kết trong thời gian qua chưa thực sự hiệu quả, thiết bị cũ và lạc hậu. Do vậy, cần phải tiếp tục cải cách công tác quản trị và điều hành doanh nghiệp, xác định lại các danh mục đầu tư, khắc phục tình trạng tỷ trọng vốn đầu tư nhỏ và kém hiệu quả.

- Đứng trước giai đoạn phát triển mới trong thời đại chuyển đổi công nghệ, chuyển đổi số, cạnh tranh trong nước, khu vực càng ngày càng khốc liệt và các xu hướng chuyển dịch sang sản xuất thép xanh trên thế giới diễn ra mạnh mẽ, Tổng công ty cũng dần phải thích nghi, thay đổi để có thể cạnh tranh và hướng tới sự phát triển và phát triển bền vững. Điều này đòi hỏi nội tại Tổng công ty cần phải có một định hướng chiến lược mới trong quá trình chuyển đổi, trong đó sự thay đổi, tái cơ cấu lại mô hình hoạt động, cơ cấu sở hữu vốn của Công ty mẹ, cần tiếp tục tái cơ cấu sâu rộng, mạnh mẽ và toàn diện tại các đơn vị thành viên; từng bước nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp, cơ cấu lại danh mục đầu tư, khắc phục tình trạng yếu kém về năng lực và sức cạnh tranh; tập trung nguồn lực để đầu tư các lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh cốt lõi tiếp tục duy trì giữ vững thương hiệu mạnh về các sản phẩm thép.

Tuy nhiên, do thời gian của giai đoạn năm 2021-2025, không còn nhiều nên Đề án này sẽ chỉ tập chung vào những nội dung ngắn và trung hạn, những vấn đề mang tính chất lâu dài sẽ được đề cập trong chiến lược phát triển của Tổng công ty. Để phù hợp với thực tế, tên gọi của Đề án sẽ là **Đề án tái cơ cấu Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP, giai đoạn đến năm 2025**.

2. Cơ sở pháp lý xây dựng Đề án Tái cơ cấu

- Căn cứ Luật Quản Lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

- Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản doanh nghiệp;

- Căn cứ Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

- Căn cứ Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

- Quyết định số 360/QĐ-TTg ngày 17 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án “Cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước giai đoạn 2021 - 2025”;

- Quyết định số 22/2021/QĐ-TTg ngày 02/07/2021 về tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi sở hữu, sắp xếp lại, thoái vốn giai đoạn 2021 - 2025;

- Quyết định số 1479/QĐ-TTg ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước giai đoạn 2022-2025;

- Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 10/2/2022 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Căn cứ Nghị quyết số 63/NQ-VNS ngày 12/5/2023 của Đại hội đồng cổ đông năm 2023 Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP;

- Căn cứ Nghị quyết số 69/NQ-VNS ngày 26/5/2023 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Thép Việt Nam – CTCP về việc hoàn thiện Đề án Tái cơ cấu giai đoạn 2021-2025 theo các yêu cầu nêu tại phụ lục công văn 971/ĐTKDV-ĐT4 ngày 11/5/2023 của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC);

- Căn cứ Nghị quyết số 89/NQ-VNS ngày 12/7/2023 của Hội đồng quản trị về đánh giá kết quả công tác quý II và chương trình công tác quý III năm 2023 về đánh giá kết quả công tác quý II và chương trình công tác quý III năm 2023;

II. Phân tích SWOT và vị thế của VNSTEEL

Điểm mạnh	Cơ hội
<ul style="list-style-type: none">- Hệ thống VNSTEEL có mạng lưới sản xuất kinh doanh rộng khắp trên hầu hết các vùng kinh tế trong cả nước, trong đó có nhiều thương hiệu mạnh và có uy tín. Sản phẩm và dịch vụ của hệ thống VNSTEEL đa dạng. Chất lượng sản phẩm và dịch vụ được người tiêu dùng đánh giá tốt và được thị trường tín nhiệm.- Các đơn vị sản xuất thép trong hệ thống	<ul style="list-style-type: none">- Nhu cầu tiêu thụ thép ở Việt Nam còn tiềm năng tăng trưởng lớn do yêu cầu của sự phát triển cơ sở hạ tầng cho nền kinh tế. Mức tiêu thụ bình quân đầu người vẫn còn thấp so với các nước phát triển.- Cơ hội thu hút đầu tư, mở rộng thị trường, tăng cường liên minh liên kết dưới tác động của hội nhập quốc tế...- Một số phân khúc thị trường thép còn chưa

<p>VNSTEEL tham gia hầu hết các công đoạn sản xuất thép, trừ cán tấm nóng. Trong đó, năng lực sản xuất thép dài của khối công ty con và công ty liên kết chiếm tỷ trọng cao trên 70% tổng năng lực sản xuất thép các loại của cả hệ thống VNSTEEL.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức VNSTEEL vững mạnh, đoàn kết, thông suốt. Lãnh đạo có quyết tâm cao. - Đội ngũ nhân lực kỹ thuật có kinh nghiệm, hiểu biết về sản xuất, tâm huyết với sự nghiệp ngành thép. - Tổng công ty và các đơn vị xây dựng được mối quan hệ tốt với các đối tác có uy tín trên thế giới. 	<p>phát triển tại Việt Nam như thép phục vụ ngành cơ khí, chế tạo; các loại thép hợp kim, thép đặc biệt.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các quy chuẩn sản xuất ngày càng được hoàn thiện (như các TCVN, QCVN...). Hệ thống luật pháp thương mại dần được hoàn thiện theo các định chế tiên tiến trên thế giới, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, minh bạch hơn... - Khi hội nhập quốc tế, các doanh nghiệp quy mô nhỏ, công nghệ lạc hậu không có khả năng cạnh tranh tốt sẽ bị đào thải, là cơ hội tốt cho các doanh nghiệp thực sự có lợi thế cạnh tranh.
Điểm yếu	Thách thức
<ul style="list-style-type: none"> - Năng lực nội tại còn yếu, các cơ sở sản xuất của VNSTEEL nhìn chung vẫn còn phân tán và phần lớn có quy mô công suất từ 500.000 tấn/năm trở xuống, thấp hơn so với các đối thủ cạnh tranh trực tiếp. Hiện tại, đa số các nhà máy thép của VNSTEEL chưa bắt kịp trình độ công nghệ tiên tiến và quy mô phổ biến của các nhà máy thép hàng đầu thế giới và khu vực. Vì vậy, khó có lợi thế về năng suất và giá thành, khả năng cạnh tranh thấp khiến thị phần có xu thế suy giảm. - Khu vực sản xuất kinh doanh thép cán dẹt trong các năm gần đây đã có nhiều cố gắng cải thiện về quản lý và vận hành, nên hoạt động sản xuất kinh doanh từng bước có cải thiện. Tuy nhiên các doanh nghiệp trong nhóm này vẫn gặp khó khăn lớn do quy mô nhỏ, đầu tư không đồng bộ, cạnh tranh quá gay gắt trên thị trường nên tỷ lệ huy động công suất thấp, chi phí sản xuất cao so với các đối thủ, kém cạnh tranh về giá. - Năng lực sản xuất không tăng, công nghệ thiết bị chưa có đổi mới trong khi công tác quản lý và quản trị doanh nghiệp, chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu, chưa thích ứng với những thay đổi về mô hình tổ chức hoạt động và sức ép cạnh tranh ngày càng gia tăng từ các đối thủ lớn. - Hoạt động sản xuất kinh doanh các năm gần đây của Tổng công ty đã được cải thiện rõ rệt. Tuy nhiên, năng lực tài chính của VNS còn thấp so với nhu cầu phát triển. - Thương hiệu Công ty mẹ Tổng công ty (VNSTEEL) chưa mạnh, chưa có sự nhận biết rộng rãi. Công tác truyền thông và quan 	<ul style="list-style-type: none"> - Cạnh tranh ngày càng gay gắt với các nhà sản xuất thép trong và ngoài nước. Mặc dù hiện tại đang dư thừa công suất nhưng các doanh nghiệp thép tư nhân cũng như FDI vẫn có kế hoạch mở rộng công suất trong thời gian tới, điều này có thể dẫn đến khủng hoảng dư thừa thép ngày càng mạnh. - Thị trường thép nội địa đối diện với sức ép cạnh tranh từ thép nhập khẩu do những cam kết tự do hóa thương mại của Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế. - Thị trường thép xuất khẩu của Việt Nam gặp nhiều khó khăn khi đối diện với chủ nghĩa bảo hộ gia tăng của các quốc gia trên toàn cầu với hàng loạt nguy cơ các vụ kiện phòng vệ thương mại và hàng rào kỹ thuật khi sản phẩm thép Việt Nam ra thị trường thế giới. - Sản xuất thép lò điện đối mặt với xu hướng giá điện và chi phí môi trường ngày càng tăng cao; bên cạnh đó là sự bất lợi của giá thép phế khi xu hướng chuyển đổi trong sản xuất thép toàn cầu từ công nghệ lò cao sang công nghệ lò điện để giảm thiểu phát thải carbon. Điều này sẽ làm thị trường thép phế thế giới tăng sự cạnh tranh gay gắt hơn nữa giữa các nước nhập khẩu phế liệu. Nguồn cung thép phế sẽ thêm hạn chế khi Châu Âu dự kiến trong những năm tới sẽ từ chối xuất khẩu thép phế trở thành người nhập khẩu thép phế. - Sản xuất lò cao đối mặt với sự gia tăng chi phí khai thác và bảo vệ môi trường. VNSTEEL không còn lợi thế về nguồn nguyên liệu quặng sắt, than mỡ tự khai thác; còn đối với nguồn nguyên liệu nhập khẩu thì bị hạn chế về logistic do các mỏ có vốn góp của

<p>hệ cộng đồng còn hạn chế.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính liên kết, phối hợp giữa các đơn vị thành viên để cùng thực hiện mục tiêu chung của Tổng công ty chưa cao. - Tỷ lệ vốn nhà nước tại doanh nghiệp cao nên VNSTEEL và khối các công ty con chịu nhiều quy định đối với doanh nghiệp nhà nước, dẫn đến việc ra quyết định chậm, thiếu linh hoạt, mất thời cơ. 	<p>VNSTEEL không có và không gần cảng nước sâu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngành thép Việt Nam cơ bản phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu nước ngoài nên thị trường trong nước chịu chi phối lớn bởi biến động thị trường thép thế giới và điều chỉnh chính sách của các nền kinh tế lớn, đặc biệt là Trung Quốc; bên cạnh đó là dễ gặp rủi ro trong thương mại quốc tế, biến động tỷ giá và rủi ro đứt gãy chuỗi cung ứng.
--	--

III. Mục tiêu tái cơ cấu giai đoạn đến năm 2025

Chặng đà suy giảm và giữ vững vị thế là một trong những nhà sản xuất thép hàng đầu của Việt Nam (Top 5), tiếp tục lấy sản xuất thép làm trục chính trong hoạt động kinh doanh, từng bước mở rộng đầu tư phát triển sang các lĩnh vực hỗ trợ cho sản xuất và kinh doanh thép.

IV. Định hướng và các giải pháp tái cơ cấu giai đoạn đến năm 2025

1. Ngành nghề kinh doanh

Tổng công ty tiếp tục tập trung vào các ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất và kinh doanh sản phẩm thép và từng bước tích hợp chuỗi giá trị lấy thép làm cốt lõi.

2. Đổi mới quản trị doanh nghiệp

2.1. Đẩy mạnh cơ cấu lại, đổi mới về quản trị doanh nghiệp, tập trung vào các nội dung sau:

- Hoàn thiện các quy định, quy chế quản trị nội bộ, ứng dụng quản trị trên nền tảng số.
- Kiến toàn tổ chức bộ máy quản lý, điều hành đảm bảo hiệu lực hiệu quả, phù hợp với quy mô về vốn, lao động, mô hình doanh nghiệp, trình độ công nghệ và tài sản của các đơn vị thành viên; tiếp tục nâng cao hiệu quả liên kết hệ thống trong toàn Tổng Công ty.

- Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác quản lý tài chính, kế toán; quản lý sử dụng lao động hiệu quả, cải cách cơ chế tiền lương, phát triển và đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

2.2. Áp dụng thông lệ quốc tế trong việc đổi mới quản trị doanh nghiệp

- Từng bước thực hiện quản trị doanh nghiệp theo thông lệ quản trị tốt nhất với các nguyên tắc quản trị của OECD. Rà soát hoàn thiện mô hình tổ chức quản lý Tổng công ty theo thông lệ quản trị tốt nhất, trong đó tập trung nâng cao hiệu quả quản trị điều hành của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và công tác giám sát của Ban kiểm soát; xem xét thay đổi mô hình Hội đồng quản trị có Ủy Ban kiểm toán, các thành viên Hội đồng quản trị độc lập...

- Quản trị rủi ro: Tăng cường các giải pháp quản trị rủi ro một cách hệ thống, toàn diện vào mọi hoạt động của Tổng công ty nhằm ngăn ngừa các rủi ro, nâng cao hiệu quả cho toàn bộ hoạt động trong Tổng công ty.

- Xem xét xây dựng phương án/đề án niêm yết cổ phiếu của Tổng công ty vào năm 2025.

3. Phương án cơ cấu lại năng lực sản xuất

3.1. Đối với các sản phẩm truyền thống

- Sản phẩm thép xây dựng: Khôi phục, duy trì và từng bước mở rộng công suất, tiếp tục duy trì giữ vững vị trí hiện tại ở sản phẩm thép xây dựng; nắm bắt cơ hội tăng trưởng từ ngành xây dựng cao ốc, hạ tầng cơ sở, công nghiệp phụ trợ và nghiên cứu, cải tiến đa dạng hóa sản phẩm thép xây dựng để xuất khẩu sang các thị trường tiềm năng khác ngoài thị trường truyền thống (như thị trường các nước ASEAN ngoài Campuchia, thị trường Châu Âu, Châu Mỹ...).

- Sản phẩm thép dẹt: duy trì và tối ưu hóa các sản phẩm hạ nguồn (cuộn cán nguội và thép tôn mạ).

3.2. Đối với các sản phẩm mới

Từng bước nghiên cứu, đầu tư mới và đầu tư chiều sâu để tiến tới sản xuất các chủng loại thép hợp kim, thép chế tạo, thép chất lượng cao, thép đặc chủng.

4. Phương án xây dựng cơ cấu tài chính, đầu tư

4.1. Cơ cấu lại danh mục vốn đầu tư vào các công ty con và liên kết

- Tiếp tục thực hiện thoái vốn tại các công ty không thuộc lĩnh vực kinh doanh chính (vật liệu phụ trợ, dịch vụ cảng biển, dịch vụ Logistics, dịch vụ xuất khẩu lao động, dịch vụ tư vấn.. hoặc thoái một phần vốn ở các công ty thuộc lĩnh vực kinh doanh chính vẫn đảm bảo tỷ lệ cổ phần biểu quyết đủ quyền chi phối hoặc phủ quyết tùy theo tính chất quan trọng của từng Công ty trong cơ cấu Tổng công ty. Sử dụng nguồn vốn thu được từ thoái vốn để đầu tư phát triển các dự án mới, đầu tư mua lại cổ phần/vốn góp để tăng tỷ lệ sở hữu ở những công ty sản xuất thép có vị trí quan trọng trong danh mục đầu tư của Tổng công ty theo quy định của pháp luật. Cụ thể:

- Tiếp tục thực hiện thoái vốn tại các doanh nghiệp không thuộc ngành nghề kinh doanh chính (Công ty Cổ phần RedstarCera, Công ty TNHH Cảng Quốc tế Thị Vải...), các doanh nghiệp quy mô nhỏ, tỷ lệ sở hữu thấp, hoạt động kém hiệu quả. Những đơn vị này đã thực hiện thoái vốn nhiều lần trong giai đoạn năm 2020- 2022, nhưng không thành công.

- Riêng đối với khoản đầu tư tại IBC, tiếp tục duy trì do kết quả sản xuất kinh doanh ổn định, hiệu quả, hàng năm đóng góp lợi nhuận cao cho Tổng công ty. Hơn nữa, theo Hợp đồng liên doanh của IBC thì có điều khoản khi hết hạn liên doanh vào năm 2034, Bên nước ngoài sẽ chuyển giao tài sản không bồi hoàn cho Bên Việt Nam.

- Đối với các đơn vị sản xuất khác: Tiếp tục duy trì đầu tư và tối ưu hóa cơ cấu sản xuất để phát huy tiềm năng của các công ty trong lĩnh vực gia công và ống thép (VJE, Vingal, Sadakim, SGC, Nippovina, Vinapipe; Công ty cổ phần Lưới thép Bình Tây) nhằm tạo chuỗi giá trị gia tăng cho lĩnh vực thép dẹt.

4.2. Thực hiện thu xếp vốn để đầu tư vào các công ty con, liên kết:

- Bên cạnh phương thức huy động truyền thống từ nguồn tín dụng thương mại, Tổng công ty mở rộng thêm các kênh huy động vốn dài hạn khác như: phát hành cổ phiếu cho nhà đầu tư chiến lược, trái phiếu doanh nghiệp để huy động vốn cho Tổng công ty và các công ty con.

- Nguồn lợi nhuận lũy kế chưa phân phối và số dư quỹ Đầu tư phát triển của Tổng công ty và dự kiến nguồn thu từ việc thoái vốn của Tổng công ty tại các đơn vị giai đoạn đến năm 2025 để đảm bảo cân đối đủ vốn đối ứng thực hiện các dự án đầu tư theo kế hoạch và thực hiện mua bán sáp nhập các công ty sản xuất thép hiện nay theo hình thức M&A.

- Tối ưu hóa các nguồn lực về vốn, đất đai, thương hiệu; cơ cấu lại các khoản mục tài sản khác không cần thiết để tập trung nguồn lực đầu tư dự án mới.

- Tăng cường quản trị dòng tiền, vốn bằng tiền đảm bảo an toàn và hiệu quả sử dụng vốn, đáp ứng nhu cầu cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị.

5. Phương án cơ cấu lại tổ chức bộ máy tổ chức quản lý

- Rà soát, cơ cấu lại tổ chức bộ máy của các đơn vị thành viên theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối, khắc phục tình trạng chồng chéo, đảm bảo sự đồng nhất về cơ cấu tổ chức bộ máy đối với từng loại hình công ty thành viên (công ty con có cùng tính chất như các công ty cổ phần sản xuất thép có vốn chi phối, các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, các công ty cổ phần không chi phối, các công ty trách nhiệm hai thành viên trở lên) nhằm nâng cao năng lực quản trị của các đơn vị thành viên, nâng cao một bước hiệu quả liên kết giữa các công ty thành viên.

- Rà soát, đánh giá, tổ chức và hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ của các ban tham mưu, giúp việc, nâng cao chất lượng nhân sự của các ban tham mưu, giúp việc của Tổng công ty thép Việt Nam để nâng cao hơn nữa hiệu lực và hiệu quả đối với bộ máy tham mưu, giúp việc.

- Xây dựng và hoàn thiện bộ máy quản trị, kiểm soát nội bộ có hiệu quả, hiệu lực tại Tổng công ty và các đơn vị thành viên; đảm bảo tính tuân thủ pháp luật; phòng ngừa và phát hiện kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật, xung đột lợi ích, lạm dụng quyền lực trong hoạt động sản xuất kinh doanh; nâng cao tính minh bạch, công khai và trách nhiệm giải trình trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển và tái cơ cấu của Tổng công ty.

6. Định hướng đầu tư đổi mới công nghệ, bảo vệ môi trường và thực hiện trách nhiệm xã hội; tăng cường mở rộng liên kết với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế để hoàn thiện chuỗi cung ứng sản xuất

- Xây dựng lộ trình đầu tư đổi mới cải tiến để từng bước đổi mới công nghệ từng phần, từng giai đoạn một cách hợp lý phù hợp với năng lực của từng đơn vị.

- Thực hiện thường xuyên rà soát, đánh giá để đổi mới cải tiến kỹ thuật, áp dụng các giải pháp kỹ thuật mới nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, chất lượng sản phẩm, đáp ứng tốt hơn yêu cầu của thị trường, tuân thủ các yêu cầu tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định của Nhà nước (về môi trường, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ...) phù hợp với năng lực, định hướng phát triển của từng đơn vị thành viên.

- Tổng công ty tiếp tục tìm kiếm, phối hợp, liên doanh, liên kết với các đơn vị tổ chức, doanh nghiệp trong nước và các khu vực ASEAN và quốc tế để hình thành chuỗi cung ứng, sản xuất trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh thép và các vật liệu có liên quan đến thép nhằm mở rộng thị trường.

- Thực hiện các giải pháp trong việc tìm kiếm các đối tác có tiềm lực về tài chính, công nghệ mới sản xuất thép xanh, kinh nghiệm... để thực hiện các mục tiêu chiến lược.

7. Kế hoạch sắp xếp cơ cấu lại các doanh nghiệp² giai đoạn đến năm 2025

7.1. Tổng công ty thép Việt Nam-CTCP - Công ty mẹ và các đơn vị phụ thuộc

Xem xét xây dựng phương án đa dạng cơ cấu cổ đông, số lượng cổ đông để đáp ứng các yêu cầu, điều kiện có thể niêm yết cổ phiếu của Tổng công ty theo quy định của pháp luật.

Rà soát hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ của Công ty mẹ cho phù hợp với tình hình kinh doanh thay đổi.

² Phụ lục II – Danh mục các đơn vị thoái vốn giai đoạn đến năm 2025.

Các đơn vị phụ thuộc Công ty mẹ: (i) Giữ nguyên khách sạn Phương Nam như hiện nay (ii) Xây dựng phương án quản lý Viện Luyện kim đen theo định hướng của Chính phủ báo cáo các cơ quan có thẩm quyền xem xét quyết định.

Đối với các đơn vị sản xuất các sản phẩm thép (thép xây dựng, cuộn cán nóng, tôn mạ và ống thép) là hoạt động cốt lõi, đóng góp chính vào năng lực sản xuất kinh doanh trong chuỗi giá trị và hoạt động có hiệu quả của Tổng công ty sẽ tiếp tục giữ tỷ lệ chi phối (từ 50% đến 65% và trên 65%). Danh mục các doanh nghiệp này nêu ở mục 7.2 và mục 7.3 dưới đây.

7.2. Doanh nghiệp do Tổng công ty nắm giữ trên 65% vốn điều lệ trở lên (5 đơn vị)

- (1) Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam-VNSTEEL (100%);
- (2) Công ty TNHH MTV Thép Tấm lá Phú Mỹ-Vnsteel (100%);
- (3) Công ty TNHH MTV Vinausteel (100%);
- (4) Công ty Cổ phần Tôn mạ Vnsteel Thăng Long (89,01%);
- (5) Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè – VNSTEEL (69,07%);

7.3. Doanh nghiệp do Tổng công ty duy trì tỷ lệ nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên (7 đơn vị)

- (1) Công ty Cổ phần thép Thủ Đức – VNSTEEL (65%);
- (2) Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên (65%);
- (3) Công ty cổ phần Kim khí Hồ Chí Minh (55,67%);
- (4) Công ty cổ phần Mạ kẽm Công nghiệp Vingal – VNSTEEL (51,0%);
- (5) Công ty TNHH Trung tâm Thương mại Quốc tế (50%);
- (6) Công ty TNHH Ống thép Việt Nam (50%);
- (7) Công ty TNHH Nippovina (50%).

Đối với Công ty Nippovina theo kế hoạch trước là doanh nghiệp thực hiện thoái vốn. Tuy nhiên, sau khi rà soát đánh giá vị trí vai trò của Công ty trong chuỗi giá trị sản xuất kinh doanh sản phẩm thép đẹp, đề xuất vẫn tiếp tục nắm giữ vốn tại Nippovina vì những lý do sau:

- Công ty nằm trong chuỗi các đơn vị thép đẹp của Tổng công ty bao gồm Công ty Thép Tấm lá Phú Mỹ, Tấm lá Thống Nhất, Tôn Phương nam, Tôn Thăng Long, Gia công dịch vụ thép Sài Gòn.

- Mặc dù tiêu thụ sản phẩm và hiệu quả kinh doanh của công ty trong mấy năm gần đây có sự giảm sút, Nippovina luôn là khách hàng nằm trong top đầu các khách hàng có sản lượng lớn của Công ty Tôn Phương Nam. Việc duy trì tỷ lệ sở hữu của VNS tại Nippovina sẽ giúp tăng cường liên kết hệ thống và tăng trưởng tiêu thụ sản phẩm đầu ra cho các đơn vị của VNS.

- Nippovina là thương hiệu đã định vị trên thị trường gần 30 chục năm. Mặc dù, VNS chỉ chiếm 50% vốn, song trên thực tế Tổng công ty thực hiện được khả năng chi phối trong hoạt động sản xuất của Công ty.

7.4. Doanh nghiệp do Tổng công ty nắm giữ tỷ lệ dưới 50% vốn điều lệ (10 đơn vị)

- (1) Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện kim Việt Trung (46,85%);
- (2) Công ty TNHH Thép Vinakyoei (40%);
- (3) Công ty TNHH Natsteelvina (36,70%);

- (4) Công ty Cổ phần Thép tấm lá Thống nhất (31,25%);
- (5) Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung (38,30%);
- (6) Công ty TNHH Gia công và Dịch vụ Thép Sài Gòn (40%);
- (7) Công ty TNHH Cơ khí Việt Nhật (28%);
- (8) Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện Kim (45%);
- (9) Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây (40,06%);
- (10) Công ty Cổ phần Sắt Thạch Khê (15,12%).

Với quan điểm tiếp tục tăng cường chuỗi giá trị trong sản xuất kinh doanh thép, đảm bảo sự hiện diện của Tổng công ty tại các địa bàn vùng miền trọng điểm trong toàn quốc (miền Bắc, miền Trung và miền Nam), đề nghị điều chỉnh tiếp tục nắm giữ vốn đầu tư của VNS tại các đơn vị: Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây; Công ty Cổ phần Sắt Thạch Khê và Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung.

Cơ sở tiếp tục nắm giữ vốn tại các đơn vị trên cụ thể như sau:

+ Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây (Lưới thép Bình Tây): Vốn điều lệ 19.654.400.000 Việt Nam đồng. Nguyên liệu cho sản xuất của Lưới Thép Bình Tây là thép cuộn tròn cán nóng Ø 6 – Ø 8 mm.

Sản phẩm thép sau cán: dây sáng, dây mạ, dây mạ bọc nhựa, dây mềm đen, lưới rào B40, lưới rào bọc nhựa, kẽm gai, lưới rọ đá, lưới băng tải... Đây là các sản phẩm cuối cùng và nằm trong chuỗi sản phẩm của ngành thép.

Hoạt động sản xuất kinh doanh trong các năm vừa qua đều có lãi (lợi nhuận sau thuế) : Năm 2019 lãi 0,948 tỷ đồng; Năm 2020 lãi 4,315 tỷ đồng; Năm 2021 lãi 2,77 tỷ đồng; Năm 2022 lãi 1,886 tỷ đồng; Năm 2023 lãi 1,98 tỷ đồng.

Như vậy, việc tiếp tục giữ lại vốn đầu tư của VNS tại Lưới thép Bình Tây nhằm tiếp tục duy trì và phát triển tiêu thụ các sản phẩm thép trong hệ thống của VNS và mang lại hiệu quả cho VNS.

+ Công ty Cổ phần Sắt Thạch Khê (TIC):

Hiện tại VNS có tỷ lệ 15,12% cổ phần hiện hữu tại TIC. Dự án Khai thác và tuyển quặng sắt mỏ Thạch Khê, Hà Tĩnh có quy mô công suất tính theo sản phẩm nguyên khai chưa chế biến với giai đoạn 1 là 5 triệu tấn/năm kéo dài trong 7 năm và giai đoạn 2 là 10 triệu tấn/năm kéo dài trong 29 năm. Hiện nay, Dự án đang tạm dừng và hoạt động của TIC kém hiệu quả. Tuy nhiên, mỏ quặng sắt Thạch Khê là mỏ sắt lớn nhất Việt Nam, có vị trí chiến lược trong ngành công nghiệp thép của Việt Nam trong tương lai. Do vậy, việc VNS có phần vốn góp tại TIC sẽ giúp cho VNS tiếp tục tham gia vào dự án quan trọng quốc gia, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi hơn khi chuẩn bị nguồn nguyên liệu cung cấp cho Trung tâm thép đang nghiên cứu của Tổng công ty.

+ Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung (Kim khí Miền Trung): Việc tiếp tục duy trì tỷ lệ vốn đầu tư của VNS là 38,30% tại Kim khí Miền Trung nhằm duy trì sự hiện diện của VNS tại khu vực Miền Trung khi VNS thoái toàn bộ vốn tại Công ty cổ phần Thép Đà Nẵng và tiếp tục giữ thị phần và hỗ trợ tiêu thụ các sản phẩm thép của các đơn vị trong hệ thống VNS là cần thiết. Hoạt động kinh doanh của Kim khí Miền Trung tương đối ổn định hàng năm đều có lãi mang lại hiệu quả cho VNS. Lợi nhuận sau thuế 05 năm gần đây: Năm 2019 lợi nhuận đạt 7,2 tỷ đồng; Năm 2020 lợi nhuận đạt 6,0 tỷ đồng; Năm 2021 lợi nhuận đạt 11,9 tỷ đồng; Năm 2022 lợi nhuận đạt 12,1 tỷ đồng; Năm 2023 lợi nhuận đạt 3,6 tỷ đồng.

7.5. Thoái toàn bộ hoặc một phần vốn đầu tư của Tổng công ty tại các Công ty sau:

Tiếp tục thực hiện thoái vốn tại các đơn vị thoái vốn không thành công trong giai đoạn trước đây (Theo Quyết định 352/QĐ-HĐQT ngày 29 tháng 12 năm 2021) không bao gồm Vinapipe và bổ sung thoái vốn tại 3 đơn vị (Các công ty: Kim khí Hà Nội, Vinatrans, Vicasa). Thông tin cơ bản về các đơn vị dự kiến thoái vốn được trình bày tóm tắt dưới đây.

(a) Các đơn vị thoái vốn một phần, vẫn giữ tỷ lệ chi phối: 2 công ty

(1) Giảm tỷ lệ vốn đầu tư của Tổng công ty tại Công ty cổ phần Kim khí Hà Nội: giảm tỷ lệ sở hữu từ 89,37% xuống còn 51%.

Công ty Cổ phần Kim khí Hà Nội – Vnsteel: có vốn góp của Tổng công ty tại doanh nghiệp là 85.014 triệu đồng tương ứng 89,37 % vốn điều lệ. Là đơn vị hoạt động trong khâu lưu thông, hiệu quả kinh doanh của đơn vị cũng chỉ ở mức khiêm tốn.

**Bảng 11 : Kết quả SXKD của Công ty CP Kim khí Hà Nội
giai đoạn năm 2021-2023**

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.492.022	3.551.696	4.011.132
Giá vốn hàng bán	2.439.355	3.497.905	3.943.062
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	52.667	53.792	68.069
Lợi nhuận trước thuế	9.314	10.449	15.021
Lợi nhuận sau thuế	6.665	6.963	11.566

Tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kim Khí Hà Nội theo số liệu đến ngày 31/12/2023:

Tổng tài sản khoảng 403.409 triệu đồng, trong đó tài sản dài hạn là 12.851 triệu đồng tương ứng 3%; tài sản ngắn hạn 390.558 triệu đồng chiếm 97%.

Vốn chủ sở hữu 106.695 triệu đồng tương ứng 26% tổng nguồn vốn và nợ phải trả ngắn hạn là 296.715. triệu đồng tương ứng 74% tổng nguồn và Nợ phải trả dài hạn là không có. Tổng giá trị tài sản dài hạn nhỏ hơn vốn chủ sở hữu, nên tình hình tài chính của Công ty khá ổn định.

Tỷ suất sinh lời khá khiêm tốn; riêng năm 2023, lợi nhuận 11,566 tỷ đồng. Tỷ suất lợi nhuận năm 2023 tính theo tài sản là ROA là 2,8% và tính theo vốn chủ ROE là 10,8%.

Hệ số thanh toán hiện tại tương đối ổn định, tài sản ngắn hạn/ nợ ngắn hạn = 1,32 > 1.

(2) Giảm tỷ lệ vốn đầu tư của Tổng công ty tại Công ty Cổ phần Kho vận Ngoại Thương (Vinatrans) giảm tỷ lệ sở hữu từ 95,37% xuống còn 51%.

Công ty Cổ phần Kho vận Ngoại Thương (Vinatrans) có vốn góp của Tổng công ty tại doanh nghiệp là 250.840 triệu đồng tương ứng 95,37 % vốn điều lệ. Vinatrans là đơn vị kinh doanh dịch vụ, hiệu quả kinh doanh chính của công ty không tốt, nhiều năm bị thua lỗ, tuy nhiên, nếu xét tổng thể chung toàn công ty thì Vinatrans vẫn có lợi nhuận.

**Bảng 12 : Kết quả SXKD của Công ty CP Kho vận Ngoại thương Việt Nam
giai đoạn năm 2021-2023**

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	226.039	214.175	142.428
Giá vốn hàng bán	218.884	187.400	118.128
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.155	26.775	24.300
Doanh thu hoạt động tài chính	44.761	65.630	32.770
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	50.415	86.750	44.324
Lợi nhuận trước thuế	50.917	86.900	44.607
Lợi nhuận sau thuế	49,168	86,100	43.342

Tình hình tài chính của Công ty Vinatrans theo số liệu tính đến ngày 31/12/2023 (báo cáo tài chính hợp nhất):

Tổng tài sản khoảng 592.961 triệu đồng, trong đó tài sản dài hạn là 377.044 triệu đồng tương ứng 63%; tài sản ngắn hạn 215.916 triệu đồng chiếm 36%.

Vốn chủ sở hữu 560.084 triệu đồng tương ứng 94% tổng nguồn vốn và nợ phải trả ngắn hạn là 31.701 triệu đồng tương ứng 5,3% tổng nguồn và Nợ phải trả dài hạn là không đáng kể. Tổng giá trị tài sản dài hạn nhỏ hơn vốn chủ sở hữu, nên tình hình tài chính của Vinatrans khá ổn định.

Tỷ suất sinh lời khá khiêm tốn; riêng năm 2023, lợi nhuận sau thuế 43,3 tỷ đồng. Tỷ suất lợi nhuận năm 2023 tính theo tài sản là ROA là 7,3% và tính theo vốn chủ là 7,7 %

Hệ số thanh toán hiện tại tương đối ổn định, tài sản ngắn hạn/ nợ ngắn hạn = 6,81 > 1. Dư thừa vốn dẫn đến khai thác sử dụng vốn chưa hiệu quả.

(b) Thoái toàn bộ vốn của VNSTEEL tại các công ty sau (7 công ty)

(1) Công ty TNHH MTV Tư vấn MDC-VNSTEEL (MDC): Tỷ lệ sở hữu hiện tại của Tổng công ty là 100% vốn điều lệ.

i) Về hoạt động sản xuất kinh doanh

Bảng 13 : Kết quả SXKD của MDC giai đoạn năm 2021-2023

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Doanh thu thuần	1.505	1.415	1.313
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-342	-208	433
Lợi nhuận khác	-38	-15	0
Lợi nhuận trước thuế	-380	-223	-138
Lợi nhuận sau thuế	-380	-223	-138
Tỷ lệ lợi nhuận cổ tức	0%	0%	0%

ii) Về tình hình tài chính của MDC theo số liệu đến ngày 31/12/2023:

Tổng tài sản 2.657 triệu đồng, quy mô rất nhỏ; tài sản dài hạn hầu như không có, tài sản ngắn hạn là 2.653 triệu đồng chiếm 99% tổng tài sản.

Vốn chủ sở hữu là 1.254 triệu đồng chiếm 47% tổng nguồn vốn; Nợ phải trả là 1.403 triệu đồng chiếm 53%. MDC là đơn vị dịch vụ, giá trị tài sản dài hạn hầu như không có và không có nợ phải trả dài hạn.

Khả năng tự chủ tài chính khá yếu, kết quả hoạt động kinh doanh bị thua lỗ nhiều năm, hiện còn lỗ lũy kế khoảng 3,7 tỷ đồng, nên rất khó khăn.

Tỷ suất sinh lời của MDC bị âm do bị lỗ lũy kế nhiều năm.

iii) Đánh giá: Đến thời điểm hiện tại, hoạt động sản xuất kinh doanh của MDC không hiệu quả, để bảo toàn vốn của Tổng công ty đã đầu tư, Tổng công ty sẽ tiếp tục thực hiện thoái toàn bộ vốn tại MDC. Trong trường hợp thoái vốn không thành công tại đơn vị này Tổng công ty sẽ thực hiện giải thể, phá sản doanh nghiệp theo luật định.

(2) Công ty TNHH MTV Cung ứng nhân lực Quốc tế - VNSTEEL (VMSC): tỷ lệ sở hữu hiện tại của Tổng công ty là 100% vốn điều lệ. Hoạt động kinh doanh của VMSC hiệu quả đạt rất thấp hàng năm lợi nhuận đạt dưới 50 triệu đồng.

i) Về hoạt động sản xuất kinh doanh

**Bảng 14 : Kết quả SXKD của Cung ứng nhân lực Quốc tế - VNSTEEL
giai đoạn năm 2021 – 2023**

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Doanh thu thuần	1.995	2.546	2.816
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	11	17	57
Lợi nhuận khác	0	0	0
Lợi nhuận trước thuế	11	17	57
Lợi nhuận sau thuế	4	6	38
Tỷ lệ lợi nhuận cổ tức	0%	0%	0%

ii) Về tình hình tài chính của VMSC theo số liệu tính đến ngày 31/12/2023:

Tổng tài sản khoảng 10.357 triệu đồng; tài sản dài hạn là 1.474 triệu đồng tương ứng 14% tổng tài sản và tài sản ngắn hạn là 8.883 triệu đồng chiếm 86% tổng tài sản.

Vốn chủ sở hữu là 6.977 triệu đồng chiếm 67% tổng nguồn vốn; Nợ phải trả là 3.380 triệu đồng chiếm 33%. VMSC là đơn vị dịch vụ, giá trị tài sản dài hạn thấp và không có nợ phải trả dài hạn.

Khả năng tự chủ tài chính khá tốt, chỉ số thanh toán hiện hành. Tỷ suất sinh lời của VMDC khá khiêm tốn và hầu như không chia cổ tức, cụ thể tỷ suất lợi nhuận năm 2023 là: Tỷ suất lợi nhuận trên tài sản (ROA) là 0,4% và tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) là 0,6%.

iii) Đánh giá: Với hoạt động sản xuất kinh doanh mang lại hiệu quả rất thấp, Tổng công ty sẽ thực hiện thoái toàn bộ vốn tại VMSC, trong trường hợp thoái vốn không thành công tại đơn vị này Tổng công ty sẽ thực hiện giải thể, phá sản doanh nghiệp theo luật định.

(3) Công ty cổ phần Thép Vicasa - Vnsteel: Thép Vicasa đổi tên từ Công ty cổ phần Thép Biên Hòa (VICASA) được thành lập theo Quyết định số 2255/QĐ-BCN ngày 29/06/2007 của Bộ Công nghiệp và Quyết định số 641/QĐ-TCLĐ ngày 21/09/2007 của Tổng công ty Thép Việt Nam về việc phê duyệt phương án và chuyển đổi Công ty Thép Biên Hòa thành Công ty cổ phần Thép Biên Hòa. Đăng ký kinh doanh theo hình thức công ty cổ phần ngày 25/12/2007 (Mã cổ phiếu VCA). Vốn điều lệ là 151.873.220.000 đồng. Vốn góp của VNSTEEL: 98.718.750.000 VNĐ chiếm tỷ lệ 65% vốn điều lệ. Xưởng luyện thép và cán thép được đánh giá với trình độ thiết bị công nghệ lạc hậu, không đồng bộ, xuống cấp với công suất: 200.000 tấn/năm. Sản phẩm là thép xây dựng.

i) Về hoạt động sản xuất kinh doanh

Bảng 15 : Kết quả SXKD của Vicasa giai đoạn năm 2021-2023

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Doanh thu thuần	2.613.330	2.335.209	1.724.962
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	45.573	-4.395	8.851
Lợi nhuận khác	(62)	(582)	90
Lợi nhuận trước thuế	45.510	-4.977	8.942
Lợi nhuận sau thuế	36.384	-5.900	7.291
Tỷ lệ lợi nhuận cổ tức	30%	0%	0%

ii) Tình hình tài chính của VICASA theo số liệu tính đến ngày 31/12/2023:

Tổng tài sản khoảng 342.808 triệu đồng, trong đó tài sản dài hạn là 38.305 triệu đồng tương ứng 11%; tài sản ngắn hạn 304.503 triệu đồng chiếm 89%.

Vốn chủ sở hữu 189.703 triệu đồng tương ứng 55% tổng nguồn vốn và nợ phải trả là 153.105 triệu đồng tương ứng 45% tổng nguồn vốn.

Tỷ suất sinh lời khá khiêm tốn; năm 2021 có tỷ suất lợi nhuận trên tài sản (ROA) là 8,1% và tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) là 15,7% ; năm 2022; ROA là -1,2% và ROE là -2,7% và năm 2023: ROA là 1,35%; ROE là 2,6%

Do quy mô nhỏ, ít đầu tư, giá trị tài sản dài hạn thấp năm 2023 khoảng 11%; nên không bị mất cân đối tài chính và hệ số thanh toán hiện tại khá tốt, luôn lớn hơn 1.

iii) Đánh giá:

Căn cứ Đề án chuyển đổi công năng KCN Biên Hòa I của UBND tỉnh Đồng Nai (công văn số 185/PTKCN-DA ngày 09/3/2015 của Sonadezi, công văn số 374/KCNĐN-QHXXH ngày 11/3/2015 của Ban quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai về việc cung cấp thông tin đề án chuyển đổi công năng KCN Biên Hòa 1), theo đó VICASA dự kiến di dời vào giai đoạn 3, từ năm 2022-2025.

VICASA đã tiến hành triển khai các bước chuẩn bị cần thiết tìm kiếm địa điểm mới để thực hiện công tác di dời và đã đánh giá việc di dời kết hợp với việc đầu tư nâng cấp các trang thiết bị, kết quả tính toán hiệu quả đối với phương án di dời là không có hiệu quả và không khả thi. Thiết bị, công nghệ sản xuất hiện tại của VICASA đã lạc hậu, chỉ duy trì được trong vài năm tới, hiện nay thương hiệu VICASA vẫn còn giá trị, thời điểm phải di dời nhà máy đã cận kề. Hoạt động sản xuất kinh doanh của VICASA trong 02 năm gần đây bị sụt giảm nhiều. Do vậy, cần thoái vốn tại VICASA để tập trung nguồn lực đầu tư cho di dời nhà máy Thép Thủ Đức và các dự án trọng điểm. Hiện tại với số lao động của nhà máy thép khoảng 310 người, việc VNS thực hiện thoái toàn bộ vốn sẽ không bị tác động đến công việc của người lao động. Sau khi thoái vốn, đối tác vẫn duy trì việc SXKD thép xây dựng, có mở rộng, có cải tiến đổi mới công nghệ nâng công suất và tuyển dụng thêm lao động tương xứng.

(4) Công ty cổ phần RedstarCera: Tỷ lệ sở hữu hiện tại của Tổng công ty là 20,05% vốn điều lệ.

i) Về hoạt động sản xuất kinh doanh

Bảng 16 : Kết quả SXKD của RedstarCera giai đoạn năm 2021-2023

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Doanh thu thuần	624.601	675.971	510.715
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	37.518	38.159	-19.282
Lợi nhuận khác	-7.950	-1.951	-14.09
Lợi nhuận trước thuế	29.568	36.208	-33.380
Lợi nhuận sau thuế	24.291	28.684	-33.667
Tỷ lệ lợi nhuận cổ tức	10%	10%	

ii) Về tình hình tài chính của RedstarCera theo số liệu tại thời điểm 31/12/2023:

Tổng tài sản khoảng 540.734 triệu đồng, trong đó tài sản dài hạn là 261.644 triệu đồng tương ứng 48%; tài sản ngắn hạn 279.090 triệu đồng chiếm 52%.

Vốn chủ sở hữu 125.337 triệu đồng tương ứng 23% tổng nguồn vốn và nợ phải trả ngắn hạn là 343.929 triệu đồng tương ứng 64% tổng nguồn vốn và nợ phải trả dài hạn là 71.468 triệu đồng tương ứng 13% tổng nguồn vốn.

Tỷ suất sinh lời khá khiêm tốn; năm 2023, bị lỗ khoảng 33,6 tỷ đồng. Do đó tỷ suất lợi nhuận bị âm.

Hiện tại Công ty đang bị mất cân đối tài chính (Vốn chủ sở hữu + Nợ dài hạn – Tài sản dài hạn = âm 64,84 tỷ đồng).

Hệ số thanh toán hiện tại khá yếu, tài sản ngắn hạn/ nợ ngắn hạn = 0,8 < 1; tiềm ẩn nguy cơ mất khả năng thanh toán.

iii) Đánh giá: do ngành nghề kinh doanh của Công ty không gắn kết với ngành nghề sản xuất kinh doanh chính của Tổng công ty và hiệu quả đầu tư mang lại cho Công ty mẹ - Tổng công ty không ổn định. Trong giai đoạn 2021-2022 đã thực hiện thoái vốn tại RedstarCera không thành công, tiếp tục thực hiện thoái toàn bộ vốn của Tổng công ty tại đơn vị này giai đoạn 2023-2025.

(5) Công ty cổ phần thép Đà Nẵng: Tỷ lệ sở hữu hiện tại của Tổng công ty là 31,16% vốn điều lệ.

i) Về hoạt động sản xuất kinh doanh

Bảng 17 : Kết quả SXKD của Thép Đà Nẵng giai đoạn năm 2021-2023

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Doanh thu thuần	1.754.356	1.544.719	1.479.146
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	113.310	-58.152	1.622
Lợi nhuận khác	1.457	7.260	1.850
Lợi nhuận trước thuế	114.768	-50.891	3.472
Lợi nhuận sau thuế	99.574	-50.891	3.472
Tỷ lệ lợi nhuận cổ tức	26%	0%	0%

ii) Về tình hình tài chính của Công ty CP Thép Đà Nẵng tính đến ngày 31/12/2023:

Tổng tài sản khoảng 518.750 triệu đồng, trong đó tài sản dài hạn là 101.549 triệu đồng tương ứng 20%; tài sản ngắn hạn 417.201 triệu đồng chiếm 80%.

Vốn chủ sở hữu 177.778 triệu đồng tương ứng 34% tổng nguồn vốn và nợ phải trả ngắn hạn là 340.952 triệu đồng tương ứng 66% tổng nguồn.

Tỷ suất sinh lời khá khiêm tốn; năm 2022 bị lỗ và năm 2023, lợi nhuận khoảng 3,5 tỷ đồng. Tỷ suất lợi nhuận tính theo tài sản ROA là 0,7% và theo vốn chủ sở hữu ROE là 1,6%.

Hiện tại Công ty tài chính của công ty khá ổn định do giá trị tài sản dài hạn nhỏ hơn vốn chủ sở hữu, Công ty không có nợ dài hạn.

Hệ số thanh toán hiện tại tương đối ổn định, tài sản ngắn hạn/ nợ ngắn hạn = 1,22 > 1.

iii) Đánh giá: Hiệu quả đầu tư mang lại cho Công ty mẹ - Tổng công ty không cao, ngoài ra với tỷ lệ góp vốn chỉ chiếm trên 31% vốn điều lệ của Công ty nên khả năng kiểm soát của Tổng công ty là rất thấp, không có tiếng nói quyết định trong đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị cũng như tham gia sâu vào các công tác quản lý của Công ty để nâng cao hiệu quả vốn đầu tư. Trong giai đoạn 2021-2022 đã thực hiện thoái vốn tại Công ty cổ phần thép Đà Nẵng không thành công, tiếp tục thực hiện thoái toàn bộ vốn của Tổng công ty tại đơn vị này giai đoạn 2023-2025.

(6) Công ty TNHH Cảng quốc tế Thị Vải: Tỷ lệ sở hữu hiện tại của Tổng công ty là 12,75% vốn điều lệ.

i) Về hoạt động sản xuất kinh doanh

**Bảng 18 : Kết quả SXKD của Cảng quốc tế Thị Vải
giai đoạn năm 2021-2023**

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Doanh thu thuần	137.525	119.883	67.085
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	32.526	10.619	-23.423
Lợi nhuận khác	(9)	21	-37
Lợi nhuận trước thuế	32.516	10.640	-23.460
Lợi nhuận sau thuế	32.516	10.640	-23.460
Tỷ lệ lợi nhuận cổ tức	0%	0%	

ii) Về tình hình tài chính của Công ty TNHH Cảng quốc tế Thị Vải theo số liệu tính đến ngày 31/12/2023:

Tổng tài sản khoảng 960.254 triệu đồng, trong đó tài sản dài hạn là 708.007 triệu đồng tương ứng 73,7%; tài sản ngắn hạn 252.246 triệu đồng chiếm 26,2%.

Vốn chủ sở hữu 622.896 triệu đồng tương ứng 64% tổng nguồn vốn và nợ phải trả ngắn hạn là 64.200 triệu đồng tương ứng 10% tổng nguồn và Nợ phải trả dài hạn là 273.157 triệu đồng tương ứng 43%

Tỷ suất sinh lời khá khiêm tốn; riêng năm 2023, bị lỗ khoảng 23,46 tỷ đồng. Tỷ suất lợi nhuận năm 2023 bị âm

Hiện tại Công ty tài chính của công ty khá ổn định do giá trị tài sản dài hạn nhỏ hơn vốn chủ sở hữu + Nợ phải trả dài hạn.

Hệ số thanh toán hiện tại tương đối ổn định, tài sản ngắn hạn/ nợ ngắn hạn = 3,9 > 1. Dư thừa vốn dẫn đến khai thác sử dụng vốn chưa hiệu quả.

iii) Đánh giá: Kể từ khi đi vào hoạt động hiệu quả đầu tư cho Công ty mẹ - Tổng công ty không cao. Ngoài ra với tỷ lệ góp vốn chỉ chiếm trên 12% vốn điều lệ nên quyền kiểm soát hoạt động của Công ty rất thấp, do vậy không thể tham gia sâu trong công tác quản lý của Công ty để nâng cao hiệu quả vốn đầu tư. Trong giai đoạn 2021-2022 đã thực hiện thoái vốn tại Công ty TNHH Cảng quốc tế Thị Vải không

thành công, tiếp tục thực hiện thoái toàn bộ vốn của Tổng công ty tại đơn vị này giai đoạn 2023-2025.

(7) Công ty TNHH Ống thép Hàn xoắn Nippon Steel Việt Nam (Công ty Ống thép Hàn xoắn): Tỷ lệ sở hữu hiện tại của Tổng công ty là 3,85% vốn điều lệ.

i) Về hoạt động sản xuất kinh doanh

**Bảng 19 : Kết quả SXKD của Công ty TNHH Ống thép Hàn Xoắn
giai đoạn năm 2021-2023**

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Doanh thu thuần	1.062.241	1.080.605	231.687
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	176.302	61.293	-96.382
Lợi nhuận khác	133	88	0
Lợi nhuận trước thuế	176.436	61.382	-110.909
Lợi nhuận sau thuế	140.710	48.933	-137.276
Tỷ lệ lợi nhuận cổ tức	0%	0%	

ii) Về tình hình tài chính của Công ty Ống thép Hàn xoắn theo số liệu tính đến ngày 31/12/2023 :

Tổng tài sản khoảng 677.921 triệu đồng, trong đó tài sản dài hạn là 284.508 triệu đồng tương ứng 41%; tài sản ngắn hạn 93.413 triệu đồng chiếm 58%.

Vốn chủ sở hữu 236.734 triệu đồng tương ứng 35% tổng nguồn vốn và nợ phải trả ngắn hạn là 441.186 triệu đồng tương ứng 65% tổng nguồn.

Tỷ suất sinh lời khá khiêm tốn; riêng năm 2023, lợi nhuận bị lỗ khoảng 137 tỷ đồng. Tỷ suất lợi nhuận năm 2023 bị âm.

Hiện tại Công ty tài chính của công ty không ổn định do giá trị tài sản dài hạn lớn hơn vốn chủ sở hữu.

Hệ số thanh toán hiện tại không ổn định, tài sản ngắn hạn/ nợ ngắn hạn = $0,89 < 1$.

iii) Đánh giá: Với tỷ lệ góp vốn quá thấp, do đó Tổng công ty không thể kiểm soát hoạt động của Công ty để tham gia công tác quản lý để nâng cao hiệu quả vốn đầu tư. Thực hiện thoái toàn bộ vốn của Công ty Ống thép Hàn xoắn để tập trung nguồn lực của Tổng công ty đầu tư cho dự án mới.

Quá trình thực hiện thoái vốn các đơn vị trên thực hiện rà soát, sắp xếp theo thứ tự ưu tiên danh mục các đơn vị sẽ thực hiện thoái vốn triển khai trước để đảm bảo việc thoái vốn khả thi, thành công và có nguồn tài chính để tập trung đầu tư cho các dự án trọng điểm của VNSTEEL.

Đối với các đơn vị thoái vốn không thành công giai đoạn trước đây, tạm thời dừng thoái vốn tại Công ty Vinapipe do việc thoái vốn của Vinapipe đã 4 lần không thành công. Đây là đơn vị sản xuất ống thép duy nhất có vốn của Tổng công ty, có thương hiệu tốt. Hiện nay, đối tác Hàn Quốc đang mong muốn cùng Tổng công ty xem xét cơ hội đầu tư tăng công suất. Do vậy, Tổng công ty cần có thời gian để xem xét đánh giá phương án tái cơ cấu Vinapipe và sẽ báo cáo phương án bổ sung sau khi trao đổi bàn bạc với đối tác.

7.6. Tăng tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty tại các Công ty sau:

(1) Mua lại phần vốn của đối tác tại liên doanh để tăng tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty lên ít nhất là 51%, cao nhất là 67% tại Công ty Tôn Phương Nam (SSSC):

SSSC là công ty liên doanh giữa VNSTEEL, Công ty FIW Steel Sdn.Bhd (Malaysia) và Sumitomo (Nhật Bản) được thành lập tháng 06/1995 theo Giấy phép đầu tư số 1264/GP do UBND về Hợp tác và Đầu tư cấp ngày 09/6/1995. Hiện tại SSSC có 02 nhà máy: Nhà máy tại KCN Biên Hòa I hoạt động từ tháng 09 năm 1998 gồm xưởng mạ kẽm công suất 100.000 tấn/năm và xưởng mạ màu công suất 70.000 tấn/năm; Nhà máy tại KCN Nhơn Trạch II – Nhơn Phú có 03 phân xưởng gồm xưởng mạ kẽm và hợp kim nhôm kẽm công suất 150.000 tấn/năm, xưởng mạ màu công suất 100.000 tấn/năm (02 xưởng này hoạt động từ tháng 4/2015). Xưởng mạ kẽm CGL3 (loại tôn dày) công suất 150.000 tấn/năm hoạt động tháng 5/2021. Nhà máy tại KCN Biên Hòa I phải thực hiện di dời theo quy hoạch của UBND tỉnh Đồng Nai. Ngày 31/01/2023 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai đã có thông báo số 09/TB-STNMT hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BĐ777700 cấp ngày 19/5/2011 đối với nhà máy ở KCN Biên Hòa I. Hiện nay nhu cầu thị trường đang dần chuyển dịch theo hướng đa dạng hóa các dòng sản phẩm để cung cấp cho cùng một công trình như tôn kẽm dày để làm xà gồ, tấm đồ sần, hệ thống cơ điện lạnh; tôn màu lợp vách, tôn màu lợp mái.

Tiềm năng nhu cầu sử dụng tôn mạ kẽm của SSSC trong tương lai tiếp tục là điểm sáng, với các thiết bị hiện đại, công nghệ thân thiện với môi trường nên các sản phẩm của SSSC phù hợp với xu thế thép xanh, đạt tiêu chí xuất khẩu sang các thị trường Châu Âu, Mỹ, Úc, Asean..

Vì vậy, việc phát triển SSSC là một trong những đơn vị mạnh về lợi thế phát triển thép dẹt là chiến lược của VNSTEEL. Để tăng cường tham gia sâu hơn vào thị trường các sản phẩm gia công mạ, căn cứ vào khả năng tài chính hiện nay của Tổng công ty, trước mắt VNSTEEL xem xét mua lại 6% phần vốn góp của đối tác trong liên doanh tại SSSC để đạt được tỷ lệ vốn chi phối nhằm tăng cường công tác quản lý, kiểm soát tại SSSC và sự phối hợp giữa các đơn vị trong khối thép dẹt của VNSTEEL.

(2) Mua lại 70% phần vốn của VII để tăng tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty tại Vinausteel lên 100%:

Công ty Liên doanh Sản xuất Thép Vinausteel được thành lập theo Giấy phép Đầu tư số 898/GP do Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư (nay là Bộ Kế hoạch và Đầu tư) cấp ngày 28/6/1994, thời hạn hoạt động 30 năm (hết hạn vào ngày 28/6/2024) và các Giấy phép Đầu tư điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 6 vào ngày 13/6/2001. Vốn điều lệ: 12.100.000 USD. Công ty TNHH Đầu tư Công nghiệp Việt Nam (Công ty VII) góp 8.470.000 chiếm 70% vốn điều lệ. Vốn góp của Tổng công ty là 3.630.000 USD, chiếm 30% vốn điều lệ. Hiện tại nhà máy của Vinausteel đang sản xuất thép cán xây dựng với công suất 250.000 tấn/năm. Giấy phép đầu tư và Hợp đồng Liên doanh, đến ngày 28/6/2024 là hết hạn liên doanh của Vinausteel; để Công ty Vinausteel (pháp nhân doanh nghiệp) tiếp tục tồn tại mà không bị hết hạn cùng Dự án nhà máy Thép Vinausteel thì Vinausteel phải thực hiện chuyển đổi Giấy phép đầu tư thành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (CNĐKDN) và Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư (CNĐKĐT) đối với Dự án liên doanh tại Quán Toan, Hải Phòng.

Ngày 27/10/2023, VII có thư chào bán 70% cổ phần của VII tại Vinausteel cho VNSTEEL. Việc nhận chuyển nhượng phần vốn góp của VII tại Vinausteel nhằm duy trì hoạt động của Công ty sau khi hết thời hạn hoạt động của dự án để tiếp tục duy trì và giữ vững thương hiệu mạnh trên thị trường thép dân dụng. Khi đó Tổng công ty sở hữu 100% vốn điều lệ tại Vinausteel, và Vinausteel trở thành Công ty TNHH MTV

thuộc Tổng công ty và hoàn toàn chủ động trong việc quyết định mọi mặt liên quan đến các định hướng phát triển của Vinausteel; Tổng công ty giữ vững được thị phần và vị trí trong lĩnh vực sản xuất thép xây dựng trên thị trường phía Bắc (là khu vực thị trường Tổng công ty đang bị thu hẹp sau khi giải thể VPS), đồng thời có thể tiếp tục đầu tư phát triển, mở rộng trên nền tảng thương hiệu “Thép Việt Úc”.

Ngày 12/12/2024 Hội đồng quản trị của VNS đã ban hành Nghị quyết số 124/NQ-VNS về việc phê duyệt hạng mục đầu tư mua lại phần vốn góp của VII tại Vinausteel trên cơ sở công văn số 2035/ĐTKDV-ĐT4 ngày 30/10/2023 của SCIC và tờ trình số 1103/TTr-VNS ngày 12/12/2023 của Ban điều hành VNS.

Triển khai Nghị quyết số 124/NQ-VNS ngày 12/12/2023, VNS đã ký hợp đồng mua lại phần vốn góp của VII tại Vinausteel. Ngày 05/02/2024 Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200108811 Công ty TNHH Một thành viên cho Vinausteel, chủ sở hữu là Tổng công ty Thép Việt Nam – CTCP. Vốn điều lệ 141.639.618.000 đồng.

7.7. Đầu tư mới để bù đắp sản lượng thép chữ V

Phương án định hướng đầu tư đối với Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức, đồng thời bù đắp sản lượng thép V khi thực hiện thoái vốn tại VICASA, sẽ xem xét đầu tư 01 nhà máy sản xuất luyện cán thép công suất 500.000 tấn/năm theo hình thức mua bán sáp nhập doanh nghiệp sản xuất thép hiện có (M&A). Mua lại cổ phần của doanh nghiệp sản xuất thép hiện có tại khu vực phía Nam, miền Tây.

Tỷ lệ sở hữu mục tiêu đối với doanh nghiệp sản xuất thép: ít nhất là 51%

7.8. Tái cơ cấu lại các Công ty thuộc danh mục Dự án, doanh nghiệp yếu kém của ngành Công thương.

Danh mục 02 công ty thuộc 12 Dự án, doanh nghiệp kém hiệu quả, chậm tiến độ ngành Công Thương gồm: Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên (Tisco) và Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện kim Việt Trung (VTM).

Tổng công ty sẽ thực hiện tái cơ cấu lại 02 đơn vị nói trên sau khi có ý kiến chỉ đạo của các cấp thẩm quyền theo Đề án riêng. Sau khi thực hiện tái cơ cấu hai đơn vị này. Tổng công ty sẽ nghiên cứu cơ cấu lại các đơn vị sản xuất tại khu vực các tỉnh phía Bắc (Tisco, VTM, Natsteelvina, Thép Việt Úc) theo định hướng tăng quy mô kinh tế (Công suất 1,5-2,0 triệu tấn thép/năm), giảm đầu mỗi, chuyên môn hóa sản xuất theo sản phẩm với chủ lực là thép xây dựng, bổ sung sản phẩm thép hợp kim.

7.9 Danh mục doanh nghiệp thực hiện thủ tục phá sản doanh nghiệp

Bảng 20 : Danh mục các đơn vị giải thể, phá sản

TT	Danh mục các doanh nghiệp	Hình thức thực hiện
1	Công ty cổ phần Tân Thành Mỹ	Phá sản doanh nghiệp
2	Công ty cổ phần Thép tấm Miền Nam	Phá sản doanh nghiệp

8. Nguồn thu từ việc cơ cấu lại các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Căn cứ vào giá trị sổ sách tại thời điểm hiện tại và tỷ lệ thoái vốn, dự kiến nguồn thu từ hoạt động thoái vốn như sau:

Bảng 21 : Dự kiến nguồn thu từ cơ cấu lại các khoản đầu tư*Đơn vị: VNĐ*

STT	Tên công ty	Vốn góp của Vnsteel đã đầu tư ghi nhận theo sổ sách	Dự kiến thoái Vốn 2024-2025		Giá trị dự thu theo giá trị sổ sách
			Trước khi giảm	Sau khi giảm	
I	Công ty con	469.072.297.088			286.419.109.999
1	Công ty TNHH MTV Cung ứng nhân lực Quốc tế - Vnsteel	6.800.000.000	100%	0%	6.800.000.000
2	Công ty TNHH MTV Tư vấn MDC	5.000.000.000	100%	0%	5.000.000.000
3	Công ty cổ phần Thép Vicasa - Vnsteel	121.418.373.106	65%	0%	121.418.373.106
4	Công ty cổ phần Kim khí Hà Nội - Vnsteel	85.013.746.834	89,37%	51%	36.499.691.910
5	Công ty giao nhận kho vận ngoại thương Vinatrans	250.840.177.148	95,37%	51%	116.701.044.983
II	Các công ty liên kết	200.629.822.460			199.810.822.460
1	Công ty cổ phần Redstarcera	23.577.820.000	20,05%	0%	23.577.820.000
2	Công ty cổ phần Thép Đà Nẵng	71.642.335.291	31,16%	0%	71.642.335.291
3	Công ty TNHH Cảng quốc tế Thị Vải	76.909.667.169	12,75%	0%	76.090.667.169
4	Công ty TNHH ống thép hàn xoắn Nippon Steel Việt Nam	28.500.000.000	3,85%	0%	28.500.000.000
	TỔNG CỘNG	669.702.119.547			486.229.932.459

Số tiền thu được từ thoái vốn sẽ phụ thuộc phương án thoái vốn cụ thể, tình hình thị trường vốn tại thời điểm thoái vốn và các yếu tố liên quan khác.

9. Về việc xử lý đất đai đối với các đơn vị thoái vốn.

a) Các cơ sở nhà đất hiện do các đơn vị (thoái vốn, giảm tỷ lệ vốn điều lệ của VNS tại đơn vị) quản lý chủ yếu phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và sử dụng làm văn phòng hoạt động. Đối với các công ty con thuộc đối tượng phải sắp xếp lại, xử lý nhà, đất, Tổng công ty sẽ thực hiện việc sắp xếp các cơ sở đất đai theo đúng quy định tại Nghị định 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 và Nghị định 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Đối với các doanh nghiệp có lợi thế về đất đai: nghiên cứu, rà soát, đánh giá hiện trạng pháp lý của quỹ đất do các đơn vị quản lý, sử dụng để xây dựng các phương án khai thác cụ thể nhằm tận dụng lợi thế về đất đai để có nguồn lực tái đầu tư cho lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh cốt lõi.

(Danh mục các cơ sở đất đai nêu ở Phụ lục III).

10. Xác định nhu cầu vốn đầu tư, tái cơ cấu giai đoạn đến năm 2025

Nhu cầu vốn để đầu tư, tái cơ cấu Tổng công ty giai đoạn đến năm 2025, được xây dựng trên những cơ sở sau:

- Vốn đầu tư cho Dự án của Công ty thép Nhà Bè, căn cứ vào Phương án vốn đã nêu trong Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án đầu tư bổ sung công suất luyện thép của Công ty Cổ phần thép Nhà Bè.
- Vốn đầu tư mua lại cổ phần của doanh nghiệp sản xuất thép, nghiên cứu tìm kiếm các doanh nghiệp sản xuất thép hiện có để góp vốn đầu tư (tối thiểu 51% vốn điều lệ) nhằm bù đắp sản lượng thép chữ V của VNS khi nhà máy thép Thủ Đức của VNS phải di dời theo quy hoạch của địa phương.
- Vốn đầu tư để mua lại vốn của FIW tại Tôn Phương Nam và vốn của VII tại Công ty thép Việt Úc, căn cứ vào thư chào mới nhất của các đối tác gửi cho VNS.

Bảng 22: Nhu cầu vốn đầu tư tái cơ cấu giai đoạn đến năm 2025

TT	Tên dự án	Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Nguồn vốn			Dự kiến giải ngân năm 2023-2025 (tỷ đồng)
			Vốn chủ sở hữu		Vốn vay	
			Công ty mẹ góp	Đơn vị tự thu xếp		
I	Dự kiến một số danh mục đầu tư giai đoạn đến năm 2025					
1	Dự án đầu tư bổ sung công đoạn luyện phôi thép công suất 150.000 tấn/năm tại Công ty Thép Nhà Bè	450,0	149,39	66,61	234,0	450,0
2	Phương án định hướng đầu tư đối với Công ty Thép Thủ Đức (Mua lại cổ phần của doanh nghiệp sản xuất thép)	600,0	300,0		300,0	600,0
II	Dự chi cho hoạt động đầu tư dài hạn					
1	Phương án mua lại vốn góp tại Tôn Phương Nam theo thư chào của đối tác tại SSSC.	92,048	92,048			92,048
2	Mua lại vốn góp của liên doanh tại Vinausteel	66,92	66,92			66,92

	Tổng cộng	1.208,968	608,358	66,61	534,0	1.208,968
--	------------------	------------------	----------------	--------------	--------------	------------------

11. Nguồn vốn đầu tư dự kiến:

- Nguồn vốn chủ sở hữu của Tổng công ty (Quỹ đầu tư phát triển).
- Thu từ thoái vốn của VNSTEEL giai đoạn đến 2025.
- Phát hành tăng vốn điều lệ (khi đáp ứng đủ điều kiện).
- Vốn vay từ các tổ chức tín dụng.

12. Lộ trình/kế hoạch triển khai thực hiện việc tái cơ cấu

- Lộ trình thoái vốn, giảm tỷ lệ sở hữu của VNS tại các Công ty con, liên kết thực hiện trong năm 2024-2025. Lộ trình cụ thể của từng đơn vị sẽ được xây dựng sau khi Đề án Tái cơ cấu được phê duyệt.

- Bám sát những nguyên tắc và lộ trình của Đề án tái cơ cấu Tổng công ty. Đẩy mạnh công tác thoái vốn để phân đầu đến năm 2025 hoàn thành kế hoạch sắp xếp, cơ cấu lại các đơn vị thành viên Tổng công ty đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Đến hết năm 2025: Có mô hình tổ chức tinh gọn, có tình hình tài chính lành mạnh, hoạt động hiệu quả; có trình độ công nghệ, kỹ thuật sản xuất hiện đại, đáp ứng đầy đủ các chuẩn mực quốc tế về quản trị doanh nghiệp; phát triển bền vững, hài hòa với môi trường và người lao động; góp phần quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

- Củng cố, phát triển thêm các doanh nghiệp thành viên có quy mô lớn, hoạt động hiệu quả, có thương hiệu và sức cạnh tranh trong khu vực và quốc tế; M&A một số đơn vị có ngành nghề, lĩnh vực hoạt động phù hợp để tập trung nguồn lực, nâng cao vị thế và hiệu quả hoạt động sau khi thực hiện tái cơ cấu, xử lý tồn tại, nâng cao hiệu quả.

PHẦN III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tổng công ty thép Việt Nam-CTCP báo cáo cơ quan đại diện vốn nhà nước tại Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC).
2. Hội đồng quản trị Tổng công ty phê duyệt Đề án tái cơ cấu.
3. Sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt, Đề án này là khuôn khổ và cơ sở pháp lý quan trọng để Tổng công ty tiếp tục triển khai công tác tái cơ cấu Tổng công ty và chỉ đạo thực hiện tái cơ cấu các công ty con, công ty liên kết theo lộ trình.
4. Tổng giám đốc căn cứ vào nội dung Đề án được duyệt, xây dựng Kế hoạch tổng thể để triển khai thực hiện.
5. Trên cơ sở kế hoạch tổng thể, Tổng công ty sẽ có phương án cụ thể đối với từng đơn vị để báo cáo Hội đồng quản trị phê duyệt phương án cụ thể cho từng đơn vị.
6. Tổng Giám đốc tổ chức thực hiện theo Phương án đã được Hội đồng quản trị Tổng công ty phê duyệt.

Trong quá trình triển khai thực hiện, căn cứ tình hình thực tế, Tổng công ty sẽ bổ sung, điều chỉnh (nếu có) đối với danh mục các đơn vị thực hiện tái cơ cấu nêu trên./.

Phụ Lục I - Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật

Phụ Lục I- a: Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật luyện gang

	Sản Lượng	Hệ số lợi dụng	Tiêu hao coke	Phun than	Tiêu hao quặng	Tiêu hao điện năng
Tisco 2						
2021	114,886.1	2.630	555.56	53.97	1,755	31.60
2022	115,889.1	2.674	580.80	54.80	1,776	136.15
2023	83,266.7	2.864	546.30	90.62	1,779	135.82
Bình Quân	314,041.9	2.708	562.417	63.994	1,768.983	97.815
Tisco 3						
2021	89,537.3	2.473	572.42	34.18	1,756	148.44
2022	87,942.9	2.466	600.41	18.81	1,776	136.15
2023	35,806.8	2.382	590.36	53.35	1,778	132.89
Bình Quân	213,287.0	2.455	586.973	31.059	1,767.821	140.760
VTM						
2021	150,700.5	2.141	576.26	46.08	1,663	151.61
2022	124,305.1	2.147	519.12	86.02	1,706	179.06
2023						
Bình Quân	275,005.6	2.144	550.431	64.134	1,682.435	164.015

Phụ Lục I- b : Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cán thép

	Sản Lượng	Tiêu Hao Kim Loại	Tiêu Hao Dầu/Khí	Tiêu Hao Điện Năng
Lưu Xá				
2021	129,830.4	1.045	37.50	120.03
2022	99,126.0	1.047	34.86	117.80
2023	43,595.4	1.049	43.45	117.80
Bình Quân	272,551.8	1.047	37.492	117.890
Thái Nguyên				
2021	310,504.0	1.023	33.67	115.39
2022	295,378.0	1.023	33.97	118.40
2023	187,258.4	1.024	32.54	116.61
Bình Quân	793,140.4	1.023	33.518	116.799
Thủ Đức				
2021	140,709.8	1.030	0.00	105.01
2022	104,340.0	1.027		108.00
2023	51,711.1	1.025	0.00	112.23
Bình Quân	296,760.9	1.028	0.00	107.322
Biên Hòa				
2021	159,657.4	1.028	0.00	122.40
2022	129,236.7	1.028	0.00	121.33
2023	66,427.5	1.028		119.80
Bình Quân	355,321.5	1.028	0.00	121.523
Thép Miền Nam				

2021	482,681.6	1.023	23.50	111.57
2022	415,267.9	1.024	19.97	108.10
2023	245,628.1	1.024	20.47	109.27
Bình Quân	1,143,577.6	1.024	21.568	109.816
Nhà Bè				
2021	132,531.5	1.021	1.19	102.00
2022	115,249.0	1.030	1.17	100.41
2023	63,610.8	1.029	1.23	103.31
Bình Quân	311,391.4	1.026	1.189	101.679

Phụ Lục I – c : Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật luyện thép

	Sản Lượng	Tiêu Hao Kim Loại	Than Điện Cực	Tiêu Hao Điện Năng
Lưu Xá				
2021	430,737.2	1.131	2.22	273.21
2022	313,163.4	1.140	2.29	260.21
2023	35,021.8	1.146	2.00	224.45
Bình Quân	778,922.3	1.135	2.239	265.794
VTM				
2021	150,700.5	1.107		45.00
2022	0.0	0.0		0.0
2023	0.0	0.0		0.0
Bình Quân	150,700.5	1.107		45.00
Thủ Đức				
2021	162,955.4	1.133	2.20	529.26
2022	120,652.0	1.114	2.04	542.00
2023	42,558.2	1.131	2.01	547.21
Bình Quân	326,165.6	1.126	2.114	536.314
Biên Hòa				
2021	162,955.4	1.133	2.20	529.26
2022	143,988.1	1.133	2.17	525.45
2023	66,427.5	1.135	2.01	520.37
Bình Quân	373,370.9	1.133	2.154	526.209
Thép Miền Nam				
2021	536,745.3	1.133	2.20	429.26
2022	409,093.1	1.129	1.46	425.00
2023	237,102.6	1.131	1.38	428.09
Bình Quân	1,182,940.9	1.131	1.779	427.552

PHỤ LỤC II : Danh mục tái cơ cấu 5 năm giai đoạn 2021-2025

STT	Tên đơn vị	Giai đoạn đến 2025		Ghi chú
		Tỷ lệ vốn trước kế hoạch	Tỷ lệ vốn sau khi thực hiện	
I	Thoái 100% vốn của VNS tại các công ty con, công ty liên kết (theo Quyết định đã được Hội đồng quản trị phê duyệt và đề xuất bổ sung)			
1	Công ty TNHH MTV tư vấn MDC-Vnsteel	100%	0%	Tiếp tục thực hiện
2	Công ty TNHH MTV Cung ứng nhân lực Quốc tế - Vnsteel	100%	0%	Tiếp tục thực hiện
3	Công ty cổ phần RedstarCera	20,05%	0%	Tiếp tục thực hiện
4	Công ty cổ phần thép Đà Nẵng	31,16%	0%	Tiếp tục thực hiện
5	Công ty TNHH Cảng quốc tế Thị Vải	12,75%	0%	Tiếp tục thực hiện
6	Công ty TNHH Ống thép Hàn Xoắn Nippon Steel Việt Nam	3,85%	0%	Tiếp tục thực hiện
7	Công ty Cổ phần Thép Vicasa - Vnsteel	65%	0%	
II	Xem xét giảm quy mô vốn đầu tư/Giảm tỷ lệ vốn đầu tư của Tổng công ty			
1	Công ty cổ phần Kim Khí Hà Nội - Vnsteel	89,37%	51%	
2	Công ty cổ phần Giao nhận Ngoại thương Việt Nam (Vinatrans)	95,37%	51%	
III	Mua thêm vốn điều lệ tại một số Công ty để tăng vai trò kiểm soát quản trị, điều hành tại các doanh nghiệp			
1	Công ty Tôn Phương Nam	45%	51%	(Xem xét mua lại phần vốn góp của đối tác liên doanh tại SSSC)
2	Công ty liên doanh sản xuất thép Vinausteel	30%	100%	(Mua lại phần vốn góp 70% của VII tại Vinausteel)
3	Công ty sản xuất thép hiện hữu quy mô công suất luyện cán 500.000 tấn/năm	0	51%	Mục tiêu nắm giữ từ 51% trở lên vốn điều lệ tại Công ty sản xuất thép hiện hữu quy mô công suất luyện cán 500.000 tấn/năm
IV	Các đơn vị tuyên bố phá sản theo luật định			
1	Công ty Thép tấm Miền Nam	Thực hiện phá sản	Hoàn thành phá sản doanh nghiệp	Đang tập hợp hồ sơ
2	Công ty cổ phần Tân thành Mỹ	Thực hiện phá sản	Hoàn thành phá sản doanh nghiệp	Đã gửi hồ sơ lên tòa án

PHỤ LỤC III
DANH SÁCH CƠ SỞ NHÀ, ĐẤT CỦA CÁC ĐƠN VỊ TÀI CƠ CẤU GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2025

TT	Địa chỉ cơ sở nhà, đất	Diện tích đất (m ²)	Diện tích nhà (m ²)	Hồ sơ pháp lý	Hiện trạng sử dụng	Ghi chú
I. Công ty TNHH MTV Cung ứng Nhân lực Quốc tế						
1	63/42 Lạc Trung, Thanh Lương, Hai Bà Trưng, Hà Nội	-	~1.074,78	Nhà là tài sản nhận góp vốn từ Tổng công ty	Trụ sở Công ty và trung tâm đào tạo lao động	
II. Công ty TNHH MTV Tư vấn MDC: Không có nhà, đất. Tổng công ty đang hỗ trợ, cho phép sử dụng không thu tiền một diện tích văn phòng nhỏ tại tòa nhà 56 Thủ Khoa Huân, quận 1, TP HCM.						
III. Công ty cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam (Vinatrans)						
1	406 Nguyễn Tất Thành, F18, quận 4, TP HCM	2.572,5	2.033,39	PL điều chỉnh Hợp đồng số 127/PLĐC-QLKDN-KD ngày 12/4/2021; Hợp đồng thuê nhà số 250/HĐTN-QLKDN-KD ngày 28/8/2020	Văn phòng làm việc	Nhà thuê của Công ty TNHH MTV Quản lý và kinh doanh nhà TP HCM
2	A8, Trường Sơn, F2 Tân bình, TP HCM	325,6	1.411	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất (lâu dài) số BB 694283 ngày 25/8/2010	Văn phòng làm việc	
3	1531 Phạm Thế Hiển, F6, Q8, TP HCM	90,2	90,2	Hợp đồng thuê đất số 1922/HĐ-TĐ ngày 31/10/1997 của Sở Địa chính nhà đất TP HCM hết hạn từ năm 2000, chưa ký lại; Quyết định số 3910/QĐ-UBND ngày 17/8/2011 của UBND TP chấp thuận cho Công ty tiếp tục sử dụng phần diện tích phù hợp quy hoạch (60m2) để sử dụng làm văn phòng làm việc theo chế độ thuê đất 50 năm kể từ ngày 16/3/2010 (ngày cấp Giấy chứng nhận kinh doanh Công ty cổ phần); phần diện tích không phù hợp quy hoạch (30,2m2 được tạm	Văn phòng làm việc	

TT	Địa chỉ cơ sở nhà, đất	Diện tích đất (m ²)	Diện tích nhà (m ²)	Hồ sơ pháp lý	Hiện trạng sử dụng	Ghi chú
				sử dụng cho đến khi Nhà nước thực hiện quy hoạch mở rộng đường)		
4	1650 -1652 Phạm Thế Hiển, F6, Q8, TPHCM	2.479	Kho 1650: 1670,55 m2; Kho 1652: 881,60 m2	HĐ thuê đất số 1923/HĐ-TĐ ngày 31/10/1997 của Sở Địa chính TP HCM thời hạn thuê 5 năm từ ngày 01/01/1996; Hợp đồng hết hạn từ năm 2000, Công ty chưa ký lại được HĐ do Thành phố quy hoạch khu vực này làm công viên cây xanh. Hiện nay UBND quận 8 đang quy hoạch khu vực này thành khu nhà tái định cư	Kho chứa hàng	
5	102C Nguyễn Văn Cừ, Phường Cầu Kho, quận 1, TP HCM	781,2	1142,33	Giấy phép tạm thời sử dụng nhà số 0401/BNC ngày 14/6/1975 của UB quân quản TP Sài Gòn - Gia Định	Nhà tập thể	
6	161 Nguyễn Văn Quỳ, phường Phú Thuận, quận 7, TP HCM	41.302,1	96 (nhà) + 3.589 (kho)	QĐ giao đất số 3230/QĐ-UBND ngày 19/6/2013 của UBND TP HCM; Hợp đồng thuê đất số 5970/HĐ-TNMT-QLSDD ngày 12/9/2013; diện tích 41.302,1 m2; thời gian thuê đến hết ngày 31/12/2020; Giấy CN QSDD số CT 24260 cấp ngày 12/9/2013, diện tích 40.708,7m2,	Kho, bãi chứa hàng	
7	Bãi Đình Vũ, phường Đông Hải, TP Hải Phòng	25.419,6	110	Hợp đồng thuê đất số 72/HĐ-TĐ ngày 17/9/2003, diện tích 25.419,6 m2, thời hạn thuê đất là 40 năm từ năm 2003 đến năm 2043; Giấy CNQSDD số X 048994 ngày 15/10/2003 (đến 03/2043)	Bãi trung chuyển container	
IV. Công ty cổ phần Kim khí Hà Nội						
1	Số 9 Tràng Tiền Đ/c: Số 9 Tràng Tiền, Hoàn Kiếm, Hà Nội.	122,3	122,3	Hợp đồng thuê nhà đất số 353/XNHHK/HĐTNCCĐ ngày 25/12/2013, kèm theo phụ lục hợp đồng thuê nhà đất ngày 12/11/2018. Hết hạn 31/12/2018	Cửa hàng kinh doanh	Nhà thuê của Công ty TNHH MTV Quản lý và phát triển nhà Hà Nội

TT	Địa chỉ cơ sở nhà, đất	Diện tích đất (m ²)	Diện tích nhà (m ²)	Hồ sơ pháp lý	Hiện trạng sử dụng	Ghi chú
2	Số 20 Tôn Thất Tùng Đ/c: Số 20 Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội.	1.811	3160	GCNQSDĐ số T813233 thời hạn 50 năm từ 01/01/2016 đến 01/01/2066; QĐ gia hạn sử dụng đất số 265/QĐ-UBND ngày 19/01/2015; Hợp đồng thuê đất số 353/HĐĐTĐ-STNMT-PC ngày 31/8/2015, thời hạn 50 năm đến ngày 01/01/2066. Quyết định V/v: phân giao cơ sở vật chất số 516/KT-XDCB ngày 26/9/1985 của Bộ Vật tư (bản sao công chứng từ năm 1995); Tờ khai sử dụng đất theo chỉ thị 245/TTg ngày 6/7/1996.	Làm văn phòng, trụ sở Công ty	
3	A12 Khương Thượng Đ/c: Số 103 Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội	151,3	151,3	Hợp đồng thuê đất số 138-245/ĐC-ND-HĐĐTĐ ký ngày 17/7/1996 thời hạn 10 năm. Hợp đồng hết hạn 01/01/2006.	Cửa hàng kinh doanh	Bị lấn chiếm khoảng không phía trên nhà vệ sinh khoảng 30 m ²
4	198 Nguyễn Trãi Đ/c: 198 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, Hà Nội	1.791,5	247	Quyết định số: 551/QĐ-TCCB ngày 15/4/1997 về việc sáp nhập Xí nghiệp Dịch vụ Vật tư và Công ty Vật tư thứ liệu Hà Nội (bản phê tồ); HĐKT v/v đăng ký nhà H2 Nam Thanh Xuân số 10/XN ngày 10/6/1991 của Cty XD Hà Nội.	Làm văn phòng và cơ sở kinh doanh	
5	H2 - Thanh Xuân Đ/c: 461 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.	202,2	202,2	Hợp đồng thuê đất số 474 -245-98/ĐC-HĐĐTĐ ký ngày 21/12/1998 thời hạn 20 năm kể từ ngày: 01/01/1996. Hợp đồng hết hạn 01/01/2016; Giấy sử dụng đất của UB Hành chính TP Hà Nội cấp ngày 10/4/1971.D101	Làm cửa hàng kinh doanh	Đang bị lấn chiếm đất khoảng 34,9 m ²
6	Số 658 Trương Định Đ/c: 658 Trương Định, Hoàng Mai, Hà Nội.	2.392,1	732,7	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 692495 ngày 05/1/2009 thời hạn 50 năm từ 15/10/1993. - QĐ cho thuê đất số 383/QĐ-UBND ngày 22/01/2008. - Hợp đồng thuê đất số 48-08 / HĐĐTĐTN	Làm văn phòng, cửa hàng kinh doanh	
7	Số 53 Đức Giang Đ/c: 53 Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	17.748,4	640,5		Làm văn phòng, nhà kho và bãi để hàng	

TT	Địa chỉ cơ sở nhà, đất	Diện tích đất (m ²)	Diện tích nhà (m ²)	Hồ sơ pháp lý	Hiện trạng sử dụng	Ghi chú
				ngày 30/6/2008. Thời hạn 50 năm từ ngày 15/10/1993 đến ngày 15/10/2043.		
8	Ngõ 109/53 Đức Giang Đ/c: Số 109 ngõ 53 Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	78.282,6	949	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 495654 ngày 06/10/2010 từ 01/01/1996 - 01/01/2026. - QĐ cho thuê đất số 4605/QĐ-UBND ngày 8/9/2009. - Hợp đồng thuê đất số 104/HĐTD ngày 26/4/2010. Thời hạn 30 năm từ 01/01/1996 đến 01/01/2026. - Quyết định thu hồi đất số 873/QĐ -UBND ngày 16/4/2019.	Làm kho, xưởng sản xuất	
9	Số 188-190 Ngọc Lâm Đ/c: 188-190 Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội.	440,6	612	- GCNQSDĐ số CK 273965 ngày 25/8/2017 thời hạn 50 năm từ 01/01/1993. - Quyết định cho thuê đất số 1628/QĐ-UBND ngày 9/03/2017. - Hợp đồng thuê đất số 333/HĐTD-STNMT-CCQLĐĐ ngày 05/6/2017. Thời hạn 50 năm từ ngày 15/10/1993 đến 15/10/2043.	Làm văn phòng, cửa hàng kinh doanh.	
10	Số 352 Ngọc Lâm Đ/c: Số 352 Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội.	171,35	160,50	Hợp đồng thuê nhà đất số 194/XNLB/HĐTNCD ngày 23/7/2014, kèm theo phụ lục hợp đồng thuê nhà, đất ngày 22/6/2018.	Làm văn phòng, cửa hàng kinh doanh	Nhà thuê của Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội
11	Số 316 Ngọc Lâm Đ/c: Số 316 Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội.	32	32	Hợp đồng thuê nhà đất số 347/XNLB/HĐTNCD ngày 23/7/2014, kèm theo phụ lục hợp đồng thuê nhà, đất ngày 22/6/2018.	Cửa hàng kinh doanh	Nhà thuê của Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội

TT	Địa chỉ cơ sở nhà, đất	Diện tích đất (m ²)	Diện tích nhà (m ²)	Hồ sơ pháp lý	Hiện trạng sử dụng	Ghi chú
12	Số 163 Hà Huy Tập Đ/c: 163 Hà Huy Tập, Gia Lâm, Hà Nội.	326	147	<ul style="list-style-type: none"> Hợp đồng mua Nhà số 01/HĐ ngày 01/7/1992 (bản photo). Trích lục bản đồ Biên bản bàn giao nhà đất ngày 23/12/1992. Giấy chứng nhận số 331/CN-UB ngày 01/12/1992; Bảng kê nhận tiền của HTX Cơ khí Ánh Hồng ngày 26/12/1992. Giấy phép xây dựng số 361GP/XD Công văn số 04 ngày 06/8/1992 của Cửa hàng Kim khí số 2 Đức Giang. 	Cửa hàng kinh doanh.	
13	Km3 Phan Trọng Tuệ (Tổng kho Kim khí số 1) Đ/c: Km3, đường Phan Trọng Tuệ, Thanh Trì, Hà Nội.	29.599	340	<ul style="list-style-type: none"> GCNQSDĐ số X112342 thời hạn 30 năm từ 01/01/199- 01/01/2026. QĐ cho thuê đất số 8250/QĐ-UB ngày 02/12/2002. Hợp đồng thuê đất số 114 - 09/HĐTĐTN ngày 05/5/2009, thời hạn thuê đất 30 năm từ ngày 01/01/1996 đến 01/01/2026. 	Làm văn phòng, kho xưởng sản xuất kinh doanh Kim khí	
14	Km3 Phan Trọng Tuệ (Tổng kho Kim khí số 3) Đ/c: Km3, đường Phan Trọng Tuệ, Thanh Trì, Hà Nội.	27.951	517	<ul style="list-style-type: none"> QĐ cho thuê đất số 2672/QĐ-UBND ngày 27/5/2016. Hợp đồng thuê đất hàng năm số 863/HĐTĐ-STNMT-PC ngày 15/11/2016. 	Làm kho xưởng sản xuất	Đang bị lấn chiếm đất, diện tích khoảng 1.900 m ²
15	Khối 2 thị trấn Đông Anh Đ/c: Tổ 13, thị trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội.	16.267,4	461	<ul style="list-style-type: none"> QĐ cho thuê đất số 2659/QĐ-UBND ngày 15/5/2014. Hợp đồng thuê đất hàng năm số 701/HĐTĐ ngày 23/12/2014. 	Làm kho bãi và xưởng sản xuất	
16	Cửa Lò Nghệ An Đ/c: Xã Nghi Thu, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An.	193		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 834078 ngày 26/4/2010, đất ở lâu dài	Để trống	

TT	Địa chỉ cơ sở nhà, đất	Diện tích đất (m ²)	Diện tích nhà (m ²)	Hồ sơ pháp lý	Hiện trạng sử dụng	Ghi chú
V. Công ty cổ phần Thép Biên Hòa (Vicasa)						
1	Số 4&5 E2, Tổ 6, Khu phố 1, P.Long Bình Tân, Tp.Biên Hòa, Đồng Nai	169,6	478,40	Giấy CNQSDĐ và các tài sản gắn liền trên đất: CV 308196; Hợp đồng Cty ký thuê đất số 83/HĐTD với Sở Tài Nguyên Môi trường Đồng Nai, thời hạn đến năm 2043	Nhà tập thể 3 tầng, 13 phòng cho CBCNV của Công ty ở	Có 12,3 m ² nằm trong quy hoạch giao thông
2	Đường số 9 & 3 & 2, P.An Bình, KCN Biên Hòa I, Đồng Nai	69.030,2	Nhà: 15 m ² ; Công trình khác: 3.135 m ²	Giấy CNQSDĐ: AL 632520; Không tranh chấp; được cấp giấy 65.872,5m ² Công ty thuê đất Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Đồng Nai theo Hợp đồng số 36/HĐTD/BH1, Phụ lục HĐ số 06- 2021	Làm nhà xưởng sản xuất, kinh doanh và cho thuê	Ngày 05/02/2024, UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 324/QĐ-UBND phê duyệt Đề án chuyển đổi Khu công nghiệp Biên Hòa 1 thành Khu đô thị - Thương mại – dịch vụ và cải thiện môi trường. Theo đó, Vicasa thuộc các doanh nghiệp phải hoàn thành di dời trước tháng 12/2025.
3	Đường số 9 & 3, KCN Biên Hòa I, Đồng Nai	130.957,6	Nhà: 6.365 m ² Công trình khác: 30.326 m ²	Giấy CNQSDĐ: AL 632521; ; Không tranh chấp; được cấp giấy 127.721,6m ² Công ty thuê đất Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Đồng Nai theo Hợp đồng số 36/HĐTD/BH1, Phụ lục HĐ số 06 2021	Đang sử dụng, khu nhà máy chính sản xuất thép, kho thành phẩm, bãi chứa nguyên vật liệu, nhà xưởng, văn phòng	
4	Đường số 9 & 2, KCN Biên Hòa I, Đồng Nai	3.841,90	Nhà: 269 m ² Công trình khác: 1.600 m ²	Giấy CNQSDĐ: AL 632517; Không tranh chấp, được cấp giấy 3841.9m ² Công ty thuê đất Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Đồng Nai theo Hợp đồng số 36/HĐTD/BH1, Phụ lục HĐ số 06 2021	Xây dựng sân tennis phục vụ CBCNV từ năm 1993 (Đang cho thuê)	

TT	Địa chỉ cơ sở nhà, đất	Diện tích đất (m ²)	Diện tích nhà (m ²)	Hồ sơ pháp lý	Hiện trạng sử dụng	Ghi chú
VI. Công ty TNHH Ông thép Nippon Steel & Sumikin Việt Nam						
1	Đường D3, KCN Phú Mỹ II, Phường Phú Mỹ, Tx Phú Mỹ, Bà Rịa – Vũng Tàu	100.000		Hợp đồng thuê đất với IDICO, số HĐ 60/TCT-DT ngày 09/08/2010; GCN QSD đất số BK 622345 ngày 10/10/2012 và BL 907009 ngày 10/10/2012; Sử dụng tới năm 2055; Đã trả tiền thuê đất hết thời kỳ	Văn phòng và nhà máy	
VII. Công ty cổ phần Redstarcera						
1	Trung tâm Công ty cổ phần Trúc Thôn; ĐC: KDC Chúc Thôn, phường Cộng Hòa, Thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương	270.272		Quyết định cho thuê đất số: 4202/QĐ-UBND tỉnh ngày 29/11/2007; 03 Giấy CNQSDĐ sê ri CP 030960; CP 030961; CP 030962; cấp ngày 20/9/2018	Trụ sở công ty	
2	Cửa hàng giới thiệu sản phẩm; Cạnh đường QL 18 phường Cộng Hòa, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương	15.000		Quyết định cho thuê đất số: 4202/QĐ-UBND tỉnh ngày 29/11/2007; Giấy CNQSDĐ số: AL 569196; cấp ngày 29/5/2009	Cửa hàng giới thiệu sản phẩm	
3	Khu Khai thác đất; KDC Bích Động - Tân Tiến, phường Cộng Hòa, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương	4.011		Quyết định cho thuê đất số: 4202/QĐ-UBND tỉnh ngày 29/11/2007 (Đất trong diện tích đất khai thác, dùng làm văn phòng phân xưởng khai thác trước những năm 2007 thời hạn thuê đến 2031 có quyết định thuê không có GCNQSDĐ)	Không sử dụng	
4	KDC Chúc Cường, phường Cộng Hòa, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương	50.330		Quyết định cho thuê đất khai thác số: 256/QĐ-UBND ngày 21/01/2011, thời hạn 3 năm theo giấy phép khai thác 1740/GP-BTNMT ngày/11/2007 (DT trên được gia hạn thuê đất số: 3660/QĐ-UBND ngày 29/11/2017 thời hạn thuê đến 05/11/2022 để khai thác tiếp đất chịu lửa tại giấy phép khai	Đất thuê phục vụ khai thác đất chịu lửa	

TT	Địa chỉ cơ sở nhà, đất	Diện tích đất (m ²)	Diện tích nhà (m ²)	Hồ sơ pháp lý	Hiện trạng sử dụng	Ghi chú
				thác khoáng sản (gia hạn) số: 1654/GP-BTNMT ngày 07/7/2017)		
VIII. Công ty cổ phần Thép Đà Nẵng						
1	Đường Tạ Quang Bửu, Khu công nghiệp Liên Chiểu, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Đà Nẵng	89.000		Hợp đồng Thuê lại đất số 06/2007/HĐ-TLĐ/SDN ngày 01/01/2007; thời hạn thuê 36 năm	Văn phòng và nhà xưởng phục vụ sản xuất	
2	Đường Tạ Quang Bửu, Khu công nghiệp Liên Chiểu, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Đà Nẵng	13.600		Hợp đồng Thuê lại đất số 04/2008/HĐ-TLĐ/SDN ngày 29/12/2008; thời hạn thuê 39 năm	Văn phòng và nhà xưởng phục vụ sản xuất	
3	Đường Tạ Quang Bửu, Khu công nghiệp Liên Chiểu, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Đà Nẵng	25.195		Hợp đồng Thuê lại đất số 03/2010/HĐ-TLĐ/SDN ngày 01/06/2010; thời hạn thuê đến 12/12/2046	Văn phòng và nhà xưởng phục vụ sản xuất	
IX. Công ty TNHH Cảng quốc tế Thị Vải						
1	Phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	41ha đất và mặt nước		Phần vốn góp của Công ty Dịch vụ và Vận tải Biển Vũng Tàu (Giấy CNQSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất BM510812 ngày 10/4/2013)	Xây dựng cảng biển, kho bãi và công trình phụ trợ phục vụ SXKD	

Số: **6 4** /NQ-VNS

Hà Nội, ngày 4 tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

BẢN SAO

Về việc triển khai thoái vốn của Vnsteel tại CTCP Thép Biên Hoà (Vicasa)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM-CTCP

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP (Tổng công ty/VNS) ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/NQ-VNS ngày 28/6/2021 của Đại hội đồng cổ đông năm 2021 Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP;

Căn cứ Quy chế quản lý và đánh giá Người đại diện của Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP tại các doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 100/QĐ-VNS ngày 13/4/2023 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP;

Căn cứ Nghị quyết số 90/NQ-VNS ngày 27/11/2024 của Hội đồng quản trị Tổng công ty về việc phê duyệt Phương án chuyển nhượng vốn của Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP tại Công ty cổ phần Thép Vicasa - Vnsteel (Vicasa);

Căn cứ Công văn số 1117/ĐTKDV-ĐT4 ngày 3/7/2025 của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) về việc tiếp tục thực hiện Đề án Tái cơ cấu VNS giai đoạn đến năm 2025 (nội dung liên quan đến Công ty cổ phần Thép Vicasa);

Xét Tờ trình số 642/TTr-VNS ngày 20/6/2025 của Tổng Giám đốc Tổng công ty về phương án di dời Nhà máy thép Vicasa - Vnsteel;

Căn cứ kết quả biểu quyết của các thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất với nội dung và đề nghị của Tổng Giám đốc VNS tại Tờ trình số 642/TTr-VNS ngày 20/6/2025 về phương án di dời nhà máy thép Vicasa - Vnsteel.

Điều 2. Giao Tổng Giám đốc VNS:

2.1. Khẩn trương triển khai thực hiện phương án thoái toàn bộ vốn của VNS tại Vicasa đã được Hội đồng quản trị Tổng công ty phê duyệt tại Nghị quyết số 90/NQ-VNS ngày 27/11/2024 theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ VNS và các quy chế nội bộ của VNS;

2.2. Trong quá trình thực hiện cần tuân thủ các nguyên tắc thị trường; đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả, theo đúng quy định của pháp luật; đem lại lợi ích tối đa cho Tổng công ty;

2.3. Chỉ đạo bộ phận đại diện vốn của VNS tại Vicasa thông qua Hội đồng quản trị, Ban Điều hành Vicasa để thực hiện quyền biểu quyết theo nội dung đã được Tổng công ty phê duyệt. Trong quá trình thực hiện cần tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Vicasa, các quy định các quy chế nội bộ của VNS và báo cáo kết quả về Tổng công ty theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- SCIC (để b/c);
- Đảng ủy Tcty;
- HĐQT Tcty;
- Ban Tổng Giám đốc;
- Ban Kiểm soát; KTNB;
- Các Ban: KTĐT, TCKT, KHTT, TCNS, PC;
- Thư ký Tổng công ty; Trợ lý TGĐ;
- Lưu: VT, HĐQT.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: **4567** - **01** - Quyền số: - SCT/B'

Ngày: **29-07-2025**

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lê Song Lai



CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Kim Huyền



Số: **69** /NQ-VNS

Hà Nội, ngày 23 tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về việc phê duyệt Phương án chuyển nhượng vốn của Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP tại Công ty cổ phần Thép Vicasa - Vnsteel

BẢN SAO

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM-CTCP

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP (Tổng công ty/VNS) ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/NQ-VNS ngày 28/6/2021 của Đại hội đồng cổ đông năm 2021 Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP;

Căn cứ Quyết định số 113/QĐ-VNS ngày 25/4/2024 của Hội đồng quản trị Tổng công ty về việc phê duyệt Đề án Tái cơ cấu của Tổng công ty Thép Việt Nam giai đoạn đến năm 2025;

Căn cứ Công văn số 1117/ĐTKDV-ĐT4 ngày 3/7/2025 của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) về việc tiếp tục thực hiện Đề án tái cơ cấu VNS giai đoạn đến năm 2025 (nội dung liên quan đến Công ty cổ phần Thép Vicasa);

Căn cứ Nghị quyết số 64/NQ-VNS ngày 4/7/2025 của Hội đồng quản trị VNS về việc triển khai thoái vốn của Vnsteel tại CTCP Thép Biên Hoà (Vicasa);

Xét Tờ trình số 757/TTr-VNS ngày 21/7/2025 của Tổng Giám đốc Tổng công ty về việc phê duyệt Phương án chuyển nhượng vốn của Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP tại Công ty cổ phần Thép Vicasa - Vnsteel (Vicasa) và các tài liệu kèm theo;

Căn cứ kết quả biểu quyết của các thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất với nội dung và đề xuất của Tổng Giám đốc VNS tại Tờ trình số 757/TTr-VNS ngày 21/7/2025 về việc phê duyệt Phương án chuyển nhượng vốn của Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP tại Công ty cổ phần Thép Vicasa - Vnsteel.

Điều 2. Giao Tổng Giám đốc VNS:

2.1. Triển khai thực hiện phương án thoái vốn được nêu tại Tờ trình số 757/TTr-VNS ngày 21/7/2025 theo đúng quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ VNS và các quy chế nội bộ của VNS.



2.2. Trong quá trình thực hiện cần tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ VNS và các quy chế nội bộ của VNS; đảm bảo các nguyên tắc thị trường, công khai, minh bạch, tối đa hoá lợi ích của VNS và không ảnh hưởng đến việc phê duyệt quyết toán, công bố giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm VNS chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

2.3. Báo cáo kết quả thực hiện về Hội đồng quản trị Tổng công ty theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- SCIC (để b/c);
- HĐQT Tcty;
- Ban Tổng Giám đốc;
- Ban Kiểm soát; KTNB;
- Các Ban: KTĐT, TCKT, TCNS, KHTT, PC;
- Thư ký Tổng công ty; Trợ lý TGĐ;
- Lưu: VT, KTĐT, HĐQT.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực:.....**4565**.....Quyết số:.....**SCT/RS**.....

Ngày: **29 -07- 2025**

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Lê Song Lai



CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Kim Huyền



Số: **757** /TTr-VNS

Hà Nội, ngày **21** tháng 7 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt Phương án chuyển nhượng vốn của Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP tại Công ty cổ phần Thép Vicasa - Vnsteel

Kính gửi: Hội đồng quản trị Tổng công ty Thép Việt Nam – CTCP

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư 16/2023/TT-BTC ngày 17/03/2023 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 36/2021/TT-BTC ngày 26/5/2021;
- Thông tư 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Điều lệ Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP được Đại hội đồng cổ đông năm 2021 thông qua ngày 28/6/2021;
- Quyết định số 113/QĐ-VNS ngày 25/4/2024 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP về việc phê duyệt Đề án Tái cơ cấu của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP giai đoạn đến năm 2025;
- Nghị quyết số 64/NQ-VNS ngày 4/7/2025 (Nghị quyết 64) của Hội đồng quản trị Tổng công ty Thép Việt Nam – CTCP về việc triển khai thoái vốn của Vnsteel tại Công ty cổ phần Thép Biên Hoà (Vicasa).

Thực hiện Nghị quyết 64 nêu trên, ngày 03/7/2025 Tổng công ty đã ký Hợp đồng tư vấn với Công ty cổ phần Định giá và Dịch vụ Tài chính Việt Nam (VVFC) để thực hiện định giá giá trị phần vốn của VNS tại Vicasa; đã ký Phụ lục gia hạn Hợp đồng tư vấn ngày 15/7/2025 với Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương (Vietinbank Securities) để xây dựng phương án chuyển nhượng vốn và thực hiện bán phần vốn đầu tư của VNS tại Vicasa.

Đến nay, VVFC đã hoàn thành việc định giá và phát hành chứng thư thẩm định giá trị phần vốn đầu tư của VNS tại Vicasa số 001/2025/603/VVFC-BAN3 ngày 17/07/2025. Vietinbank Securities cũng đã hoàn thành việc xây dựng, tư vấn phương án chuyển nhượng cổ phần của VNS tại Vicasa.

Trên cơ sở đó, Tổng Giám đốc báo cáo Hội đồng quản trị Tổng công ty xem xét thông qua các nội dung cụ thể Phương án Chuyển nhượng vốn của Tổng công ty tại Vicasa như sau:

I. Thông tin, giá khởi điểm và phương thức chào bán cổ phần của VNS

1. Thông tin về cổ phần chuyển nhượng

- Tên doanh nghiệp: Công ty cổ phần Thép Vicasa – Vnsteel.
- Mã chứng khoán: VCA.
- Số lượng cổ phần thuộc sở hữu của VNS tại Vicasa: 9.871.875 cổ phần.
- Giá trị thực tế phần vốn của VNS tại Vicasa (tại thời điểm 30/06/2025) là 121.418.373.106 đồng.
- Tổng giá trị thực tế phần vốn chủ sở hữu của VNS tại Vicasa tại thời điểm 30/6/2025 (theo Chứng thư số 001/2025/603/VVFC-BAN3 ngày 17/07/2025 của VVFC): 125.175.375.000 đồng tương ứng 12.680 đồng/cổ phần.
- Tỷ lệ vốn đầu tư của VNS/vốn điều lệ thực góp của VNS tại Vicasa: 65%.
- Tỷ lệ chuyển nhượng: 65% vốn điều lệ của Vicasa (tương ứng với 100% phần vốn góp của VNS tại Vicasa).
- Cơ cấu cổ đông góp vốn của Vicasa nêu tại bảng dưới đây:

Bảng 1 - Cơ cấu cổ đông của Vicasa tại ngày 30/06/2025

TT	Danh mục	Số lượng (người)	Số cổ phần (cổ phần)	Giá trị theo mệnh giá (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
A	Cổ phiếu đang lưu hành	987	15.187.322	151.873.220.000	100,00
II	Cổ đông trong nước	973	15.167.847	151.678.470.000	99,87
1	Cổ đông tổ chức	5	11.174.266	111.742.660.000	73,58
2	Cổ đông cá nhân	968	3.993.581	39.935.810.000	26,30
II	Cổ đông nước ngoài	14	19.475	194.750.000	0,13
1	Cổ đông tổ chức	3	2.900	29.000.000	0,02
2	Cổ đông cá nhân	11	16.575	165.750.000	0,11
B	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0
Tổng cộng (A+B)		987	15.187.322	151.873.220.000	100

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL)

Bảng 2 - Danh sách cổ đông lớn nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Vicasa tại ngày 30/06/2025

STT	Cổ đông	Số cổ phiếu nắm giữ (cổ phiếu)	Giá trị cổ phiếu nắm giữ tính theo mệnh giá (VNĐ)	Tỷ trọng / Vốn Điều lệ (%)
1	Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP	9.871.875	98.718.750.000	65%
2	Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng	1.084.629	10.846.290.000	7,14%
	Tổng cộng	10.956.504	109.565.040.000	72,14%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL)

2. Giá khởi điểm chuyển nhượng dự kiến

Ngày 17/07/2025, Công ty Cổ phần Định giá và Dịch vụ Tài chính Việt Nam (VVFC) đã ban hành Chứng thư thẩm định giá số 001/2025/603/VVFC-BAN3, theo đó, VVFC đã sử dụng Phương pháp tài sản, Phương pháp tỷ số bình quân và Phương pháp giá giao dịch để xác định giá trị một cổ phần của Vicasa. Kết quả thẩm định giá tại thời điểm ngày 30/06/2025 cụ thể như sau:

STT	Phương pháp thẩm định giá	Trọng số	Giá cổ phần (đồng/CP)
1	Phương pháp tài sản	40%	15.878
2	Phương pháp tỷ số bình quân	30%	11.540
3	Phương pháp giá giao dịch	30%	9.550
	Giá trị một cổ phần đã làm tròn		12.680

(Số liệu tại Chứng thư thẩm định giá số 001/2025/603/VVFC-BAN3 do Công ty Cổ phần Định giá và Dịch vụ Tài chính Việt Nam (VVFC) ban hành ngày 17/07/2025)

3. Phương thức chuyển nhượng vốn của VNS tại Vicasa

Trên cơ sở phương án tư vấn của Đơn vị tư vấn là Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam được đính kèm theo Công văn số 155/2025/CV-CKCT07 ngày 21/07/2025, đề xuất phương thức chuyển nhượng vốn của VNS tại Vicasa như sau:

Hiện tại, SCIC đang nắm giữ 93,93% vốn điều lệ VNS, SCIC là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, do đó, VNS không thuộc các đối tượng phải áp dụng Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/03/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp; Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty TNHH MTV do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử

dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

Mặt khác, Vicasa là công ty cổ phần đại chúng, hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh. VNS hiện đang nắm giữ 65% vốn điều lệ Vicasa nên VNS là công ty mẹ cũng đồng thời là cổ đông lớn của Vicasa. Do vậy, việc chuyển nhượng vốn của VNS tại Vicasa tuân thủ theo quy định Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Vì những lý do trên, việc chuyển nhượng vốn của VNS tại Vicasa có thể thực hiện theo 02 phương thức:

Phương thức 1: Chuyển nhượng cổ phiếu theo phương thức Giao dịch khớp lệnh trên sàn HOSE.

Phương thức 2: Chuyển nhượng cổ phiếu theo phương thức giao dịch ngoài sàn HOSE: chào bán cổ phiếu ra công chúng của cổ đông công ty đại chúng thông qua bán đấu giá công khai. Việc chuyển nhượng vốn theo phương thức này chia làm 2 loại: Đấu giá công khai thông thường và Đấu giá công khai theo lô.

Trường hợp đấu giá công khai không thành công hoặc thành công nhưng vẫn còn số lượng cổ phần cần bán để chuyển nhượng vốn thì thực hiện chào bán cạnh tranh, trường hợp chào bán cạnh tranh không thành công thì thực hiện phương thức thỏa thuận.

Qua nghiên cứu tình hình hoạt động của doanh nghiệp và đánh giá ưu, nhược điểm của các phương thức kể trên, có thể thấy việc chuyển nhượng vốn thông qua bán đấu giá công khai theo lô có nhiều ưu điểm vượt trội hơn so với các phương thức còn lại. Do vậy, Tổng Giám đốc nhất trí lựa chọn việc chuyển nhượng cổ phiếu theo phương thức giao dịch ngoài sàn HOSE: “**chào bán cổ phiếu ra công chúng của cổ đông công ty đại chúng thông qua bán đấu giá công khai theo lô cổ phần**” theo đề xuất của đơn vị tư vấn như dưới đây:

3.1. Phương thức chuyển nhượng vốn: Chào bán cổ phiếu ra công chúng của cổ đông công ty đại chúng thông qua bán đấu giá công khai theo lô cổ phần.

3.2. Số lượng cổ phần chào bán: 9.871.875 cổ phần.

3.3. Số lượng lô cổ phần chào bán: 01 lô

3.4. Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá: 98.718.750.000 đồng. Giá theo Chứng thư thẩm định giá: 125.175.375.000 đồng/lô cổ phần tương đương 12.680 đồng/cổ phần (sau khi đã làm tròn). Tuy nhiên để bảo toàn vốn đã đầu tư của VNS đề xuất giá chào bán theo giá trị sổ sách.

3.5. Giá khởi điểm chào bán theo sổ sách: 126.261.281.250 đồng/lô cổ phần tương đương 12.790 đồng/cổ phần (sau khi làm tròn).

3.6. Phương thức chuyển nhượng vốn: Chào bán cổ phiếu ra công chúng của cổ đông công ty đại chúng thông qua bán đấu giá công khai theo lô cổ phần.

3.7. Trình tự thực hiện: Bán đấu giá công khai, trường hợp đấu giá công khai không thành công thì thực hiện chào bán cạnh tranh, trường hợp chào bán cạnh tranh

không thành công thì thực hiện phương thức thỏa thuận.

3.8. Đối tượng tham gia mua cổ phần: Các nhà đầu tư trong nước theo quy định của pháp luật. Nhà đầu tư nước ngoài không được đăng ký mua cổ phiếu trong đợt chào bán cổ phiếu CTCP Thép VICASA – VNSTEEL ra công chúng do Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP sở hữu.

3.9. Đơn vị tổ chức chức bán đấu giá: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

3.10. Dự kiến lộ trình thực hiện:

- Dự kiến thời gian bắt đầu thực hiện: Kể từ ngày ngay sau khi Hội đồng quản trị Tổng Công ty phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn.

- Dự kiến thời gian hoàn thành: Quý III/2025 - Quý IV/2025.

II. Tài liệu gửi kèm theo

1. Chứng thư thẩm định giá số 001/2025/603/VVFC-BAN3 ngày 17/07/2025 do Công ty Cổ phần Định giá và Dịch vụ Tài chính Việt Nam (VVFC) ban hành.

2. Công văn số 155/2025/CV-CKCT07 ngày 21/07/2025 về việc Báo cáo phương án chuyển nhượng vốn của VNS tại Vicasa do Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam ban hành.

III. Đề xuất và kiến nghị

Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP kính đề nghị Hội đồng quản trị Tổng Công ty xem xét, phê duyệt các nội dung sau:

1. Phê duyệt Phương án chuyển nhượng vốn của Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP tại CTCP Thép VICASA – VNSTEEL;

2. Thực hiện Phương án chuyển nhượng vốn đảm bảo việc chào bán cổ phiếu VCS đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại CTCP Thép VICASA – VNSTEEL theo quy định pháp luật. Nhà đầu tư nước ngoài không được đăng ký mua cổ phiếu trong đợt chào bán cổ phiếu CTCP Thép VICASA – VNSTEEL ra công chúng do Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP sở hữu;

3. Giao cho Tổng Giám đốc Tổng Công ty triển khai các thủ tục cần thiết, ký các hồ sơ gửi Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và tổ chức thực hiện Phương án chuyển nhượng vốn của VNS tại VCS, báo cáo Hội đồng quản trị kết quả thực hiện.

Trân trọng/

SỐ Y BẢN CHÍNH

Hà Nội, ngày 30. tháng 07 năm 2025

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đảng ủy Tcty;
- CĐ Tcty;
- Ban kiểm soát;
- Ban TGD;
- Các Ban nghiệp vụ;
- Lưu: VT, KTĐT.



**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG
Phùng Vũ Anh**

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Phạm Công Thảo